

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT**

PHẠM TIẾN DŨNG

**VẤN ĐỀ OAN VÀ CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT TỔ TỤNG
HÌNH SỰ VỀ BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI CHO
NGƯỜI BỊ OAN TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ**

**CHUYÊN NGÀNH: LUẬT HÌNH SỰ
MÃ SỐ : 60.38.40**

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - NĂM 2008

MỤC LỤC

	Trang
<i>Lời cam đoan</i>	
<i>Mục lục</i>	
Mở đầu	1
<i>Chương 1: Nhận thức về làm oan người vô tội và chính sách, pháp luật tố tụng hình sự về bồi thường thiệt hại cho người bị oan</i>	7
1.1. Nhận thức về làm oan người vô tội do người có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự gây ra	7
1.1.1. Khái niệm về oan cho người vô tội	7
1.1.2. Những yếu tố xác định một người bị oan do người có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự gây ra	14
1.2. Nhận thức về chính sách, pháp luật tố tụng hình sự về bồi thường thiệt hại cho người bị oan	17
1.2.1. Khái niệm chính sách pháp luật tố tụng hình sự về bồi thường thiệt hại cho người bị oan trong hoạt động tố tụng hình sự	17
1.2.2. Nội dung chính sách, pháp luật tố tụng hình sự về bồi thường thiệt hại cho người bị oan trong hoạt động tố tụng hình sự	18
KẾT LUẬN CHƯƠNG 1	26
<i>Chương 2: Tình hình, nguyên nhân làm oan cho người vô tội và thực hiện chính sách, pháp luật tố tụng hình sự về bồi thường thiệt hại cho người bị oan</i>	27
2.1. Tình hình làm oan người vô tội và thực hiện chính sách, pháp luật tố tụng hình sự về bồi thường thiệt hại cho người bị oan	27
2.1.1. Tình hình làm oan người vô tội do người có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự gây ra	27
2.1.2. Tình hình thực hiện chính sách, pháp luật tố tụng hình sự về bồi thường thiệt hại cho người bị oan	30

2.2.	Nguyên nhân làm oan người vô tội và nguyên nhân gây nên những tồn tại trong thực hiện chính sách, pháp luật tố tụng hình sự về bồi thường thiệt hại cho người bị oan	37
2.2.1.	Nguyên nhân làm oan cho người vô tội	37
2.2.2.	Những tồn tại trong thực hiện chính sách, pháp luật tố tụng hình sự về bồi thường cho người bị oan	43
2.2.3	Những nguyên nhân gây nên tồn tại vướng mắc trong việc thực hiện chính sách, pháp luật tố tụng hình sự đối với người bị oan	51
	KẾT LUẬN CHƯƠNG 2	59
	<i>Chương 3: Những giải pháp nâng cao hiệu quả phòng ngừa việc làm oan và thực hiện chính sách, pháp luật tố tụng hình sự về bồi thường thiệt hại cho người bị oan</i>	60
3.1.	Những giải pháp hoàn thiện chính sách, pháp luật tố tụng hình sự về phòng ngừa làm oan và thực hiện bồi thường thiệt hại cho người bị oan	60
3.1.1.	Sự cần thiết hoàn thiện pháp luật về bồi thường thiệt hại cho người bị oan trong hoạt động tố tụng hình sự	60
3.1.2.	Sửa đổi, bổ sung Bộ luật tố tụng hình sự 2003 trong đó có các chế định liên quan tới phòng ngừa việc làm oan	65
3.1.3.	Xây dựng chế định bồi thường thiệt hại cho người bị oan do người có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự gây ra trong Luật bồi thường nhà nước trên cơ sở kế thừa Nghị quyết 388	68
3.2.	Những giải pháp nâng cao trách nhiệm của cơ quan và những người tiến hành tố tụng để phòng ngừa việc làm oan trong tố tụng hình sự	70
3.2.1.	Trách nhiệm của tòa án trong việc giải quyết tranh chấp khi người bị oan khởi kiện tại Tòa	70

3.2.2.	Giáo dục phẩm chất đạo đức, nâng cao trách nhiệm, và trình độ, năng lực pháp luật cho những người tiến hành tố tụng hình sự	71
3.2.3.	Có chính sách tuyển dụng công khai, minh bạch, thu hút những người có tài, có đức vào làm việc trong các cơ quan tiến hành tố tụng	73
3.2.4.	Tăng cường thanh tra, kiểm sát, giám sát đối với hoạt động tố tụng hình sự và xử lý nghiêm những cán bộ, công chức trong hoạt động của mình đã làm oan người vô tội	74
3.2.5.	Quy định rõ trách nhiệm của người đứng đầu các Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án trong việc để xảy ra oan do cơ quan mình gây ra	76
	KẾT LUẬN CHƯƠNG 3	78
	KẾT LUẬN CHUNG	79
	DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	80

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Chủ động phòng ngừa, ngăn chặn tội phạm, phát hiện chính xác, nhanh chóng và xử lý công minh, kịp thời mọi hành vi phạm tội, không để lọt tội phạm, không làm oan người vô tội là nhiệm vụ đặc biệt quan trọng được đặt ra trong Bộ luật tố tụng hình sự nhằm góp phần bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, tổ chức, bảo vệ trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa, đồng thời giáo dục mọi người ý thức tuân theo pháp luật, đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm. Tuy nhiên, trong điều tra, khám phá, xử lý tội phạm và người phạm tội, do các nguyên nhân khác nhau, các cơ quan tiến hành tố tụng vẫn gây nên oan cho người vô tội, làm thiệt hại về vật chất, tinh thần không chỉ cho người bị oan, mà còn làm ảnh hưởng đến uy tín của các cơ quan tư pháp và làm giảm lòng tin đối với Đảng, Nhà nước. Ngay trong Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 Bộ Chính trị cũng ghi nhận thực trạng này: *“Chất lượng tư pháp nói chung chưa ngang tầm với yêu cầu và đòi hỏi của nhân dân; còn nhiều trường hợp bỏ lọt tội phạm, làm oan người vô tội, vi phạm các quyền tự do, dân chủ của công dân, làm giảm sút lòng tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và cơ quan tư pháp”*.

Quan điểm nhất quán của Nhà nước ta là đã gây nên thiệt hại cho người dân trong hoạt động tố tụng hình sự thì phải bồi thường theo tinh thần Điều 72 Hiến pháp quy định *“Người bị bắt, bị giam giữ, bị truy tố, xét xử trái pháp luật có quyền được bồi thường thiệt hại về vật chất và phục hồi danh dự. Người làm trái pháp luật trong việc bắt, giam giữ, truy tố, xét xử gây thiệt hại cho người khác phải bị xử lý nghiêm minh”*. Thể chế hóa Điều 72 Hiến pháp, Điều 29 Bộ luật tố tụng hình sự quy định: *“Người bị oan do*

người có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự gây ra có quyền được bồi thường thiệt hại và phục hồi danh dự, quyền lợi. Cơ quan có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự đã làm oan phải bồi thường thiệt hại và phục hồi danh dự, quyền lợi cho người bị oan; người đã gây thiệt hại có trách nhiệm bồi hoàn cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật". Để đáp ứng yêu cầu bồi thường cho người bị oan do những người có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự gây ra, Ủy ban thường vụ Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 388/2003/NQ-UBTVQH11 về "*Bồi thường thiệt hại cho người bị oan do người có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự gây ra*".

Việc làm oan thì phải bồi thường là điều dĩ nhiên trong hoạt động tố tụng hình sự. Tuy nhiên, vấn đề phòng, chống gây oan trong hoạt động tố tụng hình sự mới là điều quan trọng trong tiến trình xây dựng nhà nước pháp quyền của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Trong thực tiễn những năm vừa qua, kể từ khi Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 được Quốc hội thông qua, việc bồi thường cho người bị oan do những người có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự gây ra đã và đang được tiến hành. Nhưng việc nghiên cứu những vấn đề liên quan đến chính sách, pháp luật tố tụng hình sự để phòng chống, oan chưa được nghiên cứu một cách hệ thống, thậm chí còn nhiều vấn đề bất cập cần thiết phải được bổ sung, sửa đổi, hoàn chỉnh.

Do vậy, tác giả lựa chọn đề tài: "*Vấn đề oan và chính sách, pháp luật tố tụng hình sự về bồi thường thiệt hại cho người bị oan trong tố tụng hình sự*" để viết luận văn thạc sĩ với mong muốn góp phần hạn chế, từng bước loại trừ việc gây oan cho người vô tội trong hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng.

2. Tình hình nghiên cứu

Cho đến nay đã có một số công trình nghiên cứu về oan, minh oan trong tố tụng hình sự. Chẳng hạn GS. TSKH Đào Trí Úc đăng bài “*Cải cách tư pháp hình sự và vấn đề phòng chống oan sai*”, tạp chí Nhà nước và pháp luật số 4/2005; PGS. TSKH Lê Văn Cẩm đã đưa ra mô hình lý luận về đạo luật tố tụng hình sự, trong đó tác giả xây dựng độc lập *nguyên tắc minh oan trong tố tụng hình sự* tại sách chuyên khảo sau đại học: *Những vấn đề cơ bản trong khoa học luật hình sự*, khi bàn về chính sách pháp luật tố tụng hình sự; Bùi Kiên Điện về “*Khắc phục tình trạng oan, sai trong tố tụng hình sự*” trong Tạp chí Luật học số tháng 1 năm 2001; T.S Nguyễn Ngọc Chí, Đào Thu Hà “*Bàn về oan, sai trong tố tụng hình sự*” trên Báo pháp luật số 138 và 140 năm 2003 v.v... Tuy nhiên, trong các bài viết nêu trên mới chỉ đề cập đến hiện tượng oan sai do các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng gây ra và các biện pháp bảo đảm bồi thường; những vấn đề minh oan hợp tình, hợp lý và một số đề xuất đề nghị bổ sung, sửa đổi Nghị quyết 388 của Ủy ban thường vụ Quốc hội cho phù hợp với thực tế.

Còn những vấn đề khác về chính sách, pháp luật tố tụng hình sự với vấn đề phòng và chống oan vẫn chưa chính thức được đề cập như một công trình khoa học để có cái nhìn sâu sắc và triệt để cả về lý luận và thực tiễn. Điều này đặt ra yêu cầu phải nghiên cứu toàn diện vấn đề này để phòng chống gây oan trong hoạt động tố tụng hình sự là cần thiết.

3. Mục đích và nội dung nghiên cứu

Hoạch định và thực hiện tốt chính sách pháp luật tố tụng hình sự trong việc phòng và chống oan là một trong những nhiệm vụ quan trọng của Đảng, Nhà nước ta trong giai đoạn xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa hiện nay. Trên tinh thần chủ đạo đó đề tài khoa học

này nhằm mục đích làm rõ được sự tác động của chính sách, pháp luật tố tụng hình sự trong phòng ngừa gây oan cho người vô tội, nâng cao trách nhiệm của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong hoạt động tố tụng hình sự.

Để đạt được mục đích nêu trên, nội dung nghiên cứu được đặt ra là: làm sáng tỏ khái niệm, nội dung, các lĩnh vực thể hiện của chính sách pháp luật tố tụng hình sự với vấn đề phòng ngừa gây oan nói riêng; làm rõ thực trạng tình hình gây oan cho người vô tội và những nguyên nhân chủ yếu của tình trạng này để đưa ra những giải pháp cần thực hiện trong chính sách pháp luật tố tụng hình sự trong việc phòng, chống oan. Nói cách khác là từ việc phân tích lý luận và thực tiễn về chính sách pháp luật tố tụng hình sự (với tính chất là tư tưởng, đường lối chỉ đạo trong công tác xây dựng, áp dụng pháp luật tố tụng hình sự) và vai trò của nó với vấn đề phòng và chống oan để chỉ ra những giải pháp khắc phục, hạn chế đến mức thấp nhất oan trong tố tụng hình sự.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài tập trung vào chính sách chủ đạo của Đảng và sự thể chế hóa chính sách đó của nhà nước trong việc phòng ngừa gây oan trong hoạt động tố tụng hình sự của các cơ quan và người có thẩm quyền đó là pháp luật tố tụng hình sự.

Phạm vi nghiên cứu của đề tài tập trung vào xem xét tình trạng làm oan cho người vô tội từ khi có Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 đến nay, những nguyên nhân gây oan và các biện pháp bồi thường theo tinh thần Nghị quyết 388 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

5. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

Cơ sở lý luận của đề tài trước tiên dựa trên phép duy vật biện chứng của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước và pháp luật. Những phương pháp cụ thể như tổng hợp, phân tích, so sánh, thống kê v.v... được vận dụng để viết luận văn này.

6. Tính mới về mặt khoa học

Đề tài nhằm phân tích mối quan hệ biện chứng giữa chính sách pháp luật tố tụng hình sự với vấn đề phòng và chống oan trong tố tụng hình sự. Trên cơ sở của những vấn đề đã phân tích luận văn đưa ra những kiến giải về mặt lập pháp cũng như về mặt khoa học và thực tiễn áp dụng pháp luật để phòng ngừa và chống làm oan trong tố tụng hình sự. Tất nhiên tác giả có tham khảo và kế thừa trên cơ sở kế thừa những thành tựu khoa học của các giáo sư, tiến sĩ và các nhà nghiên cứu đi trước.

7. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

Với những kết quả nghiên cứu đạt được người thực hiện luận văn mong muốn làm sáng tỏ những vấn đề lý luận còn chưa được hiểu thống nhất về “Oan trong tố tụng hình sự” và vấn đề bồi thường thiệt hại cũng như phục hồi danh dự cho người bị oan do người có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự gây ra. Qua luận văn, thêm một lần nữa khẳng định tầm quan trọng của việc thực hiện nghiêm túc những chủ trương, chính sách pháp luật tố tụng hình sự trong việc phòng, chống oan. Đây là một trong những biện pháp quan trọng nhất để phòng ngừa gây oan trong tố tụng hình sự.

8. Kết cấu của luận văn

Ngoài mục Mở đầu, Kết luận, Danh mục tài liệu tham khảo luận văn được chia thành 3 chương gồm:

Chương 1. Nhận thức về làm oan người vô tội và chính sách, pháp luật tố tụng hình sự về bồi thường thiệt hại cho người bị oan.

Chương 2. Tình hình, nguyên nhân làm oan và thực hiện chính sách, pháp luật tố tụng hình sự về bồi thường thiệt hại cho người bị oan.

Chương 3. Những giải pháp nâng cao hiệu quả phòng ngừa việc làm oan và thực hiện chính sách, pháp luật tố tụng hình sự về bồi thường thiệt hại cho người bị oan

Chương 1

NHẬN THỨC VỀ LÀM OAN NGƯỜI VÔ TỘI VÀ CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VỀ BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI CHO NGƯỜI BỊ OAN

1.1. Nhận thức về làm oan người vô tội do người có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự gây ra

1.1.1. Khái niệm về oan cho người vô tội

Theo cách hiểu thông thường thì “oan” tức là không thực hiện hành vi phạm tội mà lại bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị xét xử và có bản án kết tội. Theo Từ điển tiếng Việt của Viện Ngôn ngữ học thì “Oan” là: “Bị quy cho tội mà bản thân không phạm, phải chịu sự trừng phạt mà bản thân không đáng” [22]. Đại từ điển tiếng Việt của tác giả Nguyễn Như Ý thì định nghĩa “oan” là “*Bị quy tội không đúng, phải chịu sự trừng phạt một cách sai trái, vô lý*” [23]. Dưới góc độ khoa học, đã có nhiều học giả nghiên cứu và có những lý giải về khái niệm oan trong tố tụng hình sự. Theo GS. TSKH Đào Trí Úc, căn cứ thực tiễn truy tố, xét xử nêu hai trường hợp điển hình của sự truy tố, xét xử oan đó là “*Khi một người bị truy tố, xét xử vì hành vi do người khác gây ra. Như vậy, sự kiện phạm tội thì có nhưng truy tố xét xử nhầm người*” và “*Đó là khi một người bị truy tố, xét xử bởi hành vi không những không do mình gây ra mà trên thực tế không có hành vi phạm tội đó, hành vi đó đã không xảy ra*” [25].

Pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam từ khi Bộ luật tố tụng hình sự năm 1988 được ban hành cho tới nay chưa có một định nghĩa lập pháp nào về “Oan”. “Oan trong tố tụng hình sự” chỉ dừng lại như một thuật ngữ pháp lý của pháp luật tố tụng hình sự trong khuôn khổ của chủ trương, chính sách

là “Không làm oan người vô tội” (Điều 1 – Bộ luật tố tụng hình sự). Trong Bộ luật tố tụng hình sự 2003 không có một điều luật nào quy định về oan, mà chỉ có điều luật quy định về bồi thường cho người bị oan. Điều 29 Bộ luật tố tụng hình sự quy định: "Người bị oan do người có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự gây ra có quyền được bồi thường thiệt hại và phục hồi danh dự, quyền lợi. Cơ quan có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự đã làm oan phải bồi thường thiệt hại và phục hồi danh dự, quyền lợi cho người bị oan; người đã gây thiệt hại có trách nhiệm bồi hoàn cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật". Thể chế hóa Điều 29, Nghị quyết 388/2003/NQ-UBTVQH 11 ngày 17 tháng 3 năm 2003 về bồi thường thiệt hại cho người bị oan do người có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự gây ra cũng không quy định thế nào là oan, mà chỉ quy định về trường hợp được bồi thường và những trường hợp không được bồi thường. Tất nhiên, những trường hợp mà Nhà nước phải bồi thường thiệt hại cho một người cụ thể thì cũng có nghĩa là họ bị oan trong tố tụng hình sự nên họ được bồi thường thiệt hại.

Tuy nhiên việc xác định một người bị oan do người có thẩm quyền trong tố tụng hình sự gây ra là vấn đề phức tạp, bởi lẽ tố tụng hình sự là một quá trình bao gồm nhiều khâu và giữa các khâu có mối liên hệ chặt chẽ với nhau. Nếu không được tiến hành thận trọng, đúng pháp luật thì ở khâu nào cũng có thể dẫn tới oan. Vấn đề nằm ở chỗ, dựa vào yếu tố nào để xác định một người đã bị oan do người có thẩm quyền trong tố tụng hình sự gây ra, tức là trường hợp nào được coi là bị oan và trường hợp nào không coi là oan. Tất nhiên, việc xác định một người có bị oan trong tố tụng hình sự hay không thì không thể chỉ dựa vào lời kêu cứu của họ hay sự đôn đốc của dư luận mà phải có căn cứ (cả căn cứ thực tế và căn cứ pháp lý) cũng giống như căn cứ để xác định một hành vi có phải là tội phạm hay không; là tội phạm hay vi phạm pháp luật khác; hoặc có hay không có vi phạm pháp luật.

Vấn đề xác định một người bị oan do người có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự gây ra liên quan mật thiết tới vấn đề hiểu thế nào là “Oan trong tố tụng hình sự”. Song như đã trình bày ở phần trên thì pháp luật tố tụng hình sự thực định của chúng ta đang bỏ ngỏ vấn đề này. Trình bày như vậy là để thấy rằng việc xác định một người có bị oan hay không (yếu tố xác định) để từ đó có cơ sở minh oan và bồi thường cho họ chắc chắn sẽ còn gây tranh cãi. Chính vì thế việc nghiên cứu tham chiếu vấn đề tương tự trong pháp luật một số quốc gia là rất cần thiết, bởi qua đó chúng ta có thể đưa ra những kết luận có tính khoa học, thống nhất nhằm từng bước hoàn thiện hơn hoạt động lập pháp cũng như thực hiện pháp luật ở nước ta về phòng, chống oan.

Theo nghiên cứu thì pháp luật về bồi thường nhà nước của các nước như Pháp, Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc cũng chỉ tiếp cận khái niệm “Oan” dưới góc độ nêu nội hàm của nó tức là nêu các trường hợp được bồi thường do bị oan chứ không nêu định nghĩa lập pháp về Oan. Chẳng hạn Luật Bồi thường nhà nước năm 1994 của Trung Quốc. Luật này cũng không có quy phạm định nghĩa “Oan trong tố tụng hình sự”, mà theo Điều 15 thì: “Người bị thiệt hại bởi hành vi của cơ quan tiến hành các hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án hình sự có quyền yêu cầu bồi thường trong các trường hợp sau: bị giam giữ trái pháp luật mà không có bằng chứng rõ ràng về việc thực hiện hành vi phạm tội; bị bắt giữ trái pháp luật mà không có chứng cứ về việc thực hiện hành vi phạm tội; bị kết tội và đã bị thi hành án nhưng được tuyên là vô tội; bị bức cung, nhục hình dẫn tới gây thương tích hoặc làm chết người; bị gây thương tích hoặc chết do cơ quan tiến hành tố tụng sử dụng trái phép vũ khí, công cụ hỗ trợ” [29]. Bên cạnh đó Điều 16 luật này cũng nêu rõ “Nhà nước không chịu trách nhiệm bồi thường trong các trường hợp sau đây: Việc bắt, giam giữ hoặc kết tội là do chính người bị thiệt hại đã cố ý khai báo gian dối, giả mạo chứng cứ; các cơ quan tiến hành

hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án hình sự thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình...”

Như vậy cho tới nay việc đưa ra một khái niệm cứng về oan trong tố tụng hình sự là rất khó, bởi lẽ ngay việc xác định nội hàm của khái niệm này cũng khó thống nhất. Điều này phụ thuộc rất nhiều vào quan điểm lập pháp và thực tiễn áp dụng pháp luật tố tụng hình sự của mỗi quốc gia. Thế nên tại Báo cáo số 66/CP-NC ngày 23/05/2005 của Chính phủ “Về các trường hợp bị oan trong tố tụng hình sự và việc xử lý đối với cán bộ có liên quan” xác nhận: “*Hiện nay, còn có cách hiểu chưa thống nhất về thế nào là bị oan trong tố tụng hình sự do chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể của cơ quan có thẩm quyền*” [19].

Pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam từ năm 2003 trở về trước không có quy định về cơ chế bồi thường cho người bị oan do người có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự gây ra. Nhưng đứng trước yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN và đòi hỏi của thực tiễn trong việc giải quyết các vụ án hình sự, Đảng và Nhà nước đã có nhiều biện pháp kịp thời để từng bước giảm bớt và tiến tới ngăn chặn tình trạng oan sai trong hoạt động tố tụng hình sự như: Quốc hội khoá 11 đã thông qua Bộ luật tố tụng hình sự 2003, ngày 17 tháng 3 năm 2008, UBTVQH ban hành Nghị quyết số 388/2003/NQ-UBTVQH11 về “*Bồi thường thiệt hại cho người bị oan do người có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự gây ra*” (sau đây gọi là Nghị quyết 388). Đến nay Nghị quyết 388 đã đi vào đời sống được 5 năm, thực tiễn cho thấy: Nghị quyết này chưa thực sự hoàn thiện song nó đã góp phần rất quan trọng trong chủ trương phòng, chống tình trạng làm oan cho người khác từ phía các cơ quan tiến hành tố tụng hình sự.

Về mặt lập pháp, Nghị quyết số 388/2003/NQ-UBTVQH11 ngày 17/03/2003 tuy chưa có định nghĩa lập pháp thế nào là “Oan trong tố tụng hình sự” nhưng với tiêu đề của Nghị quyết là: “*Về bồi thường thiệt hại cho người bị oan do người có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự gây*

ra” và tại Điều 1 Nghị quyết này với tiêu đề “*Các trường hợp sau đây được bồi thường thiệt hại*” thì có thể hiểu đây chính là những trường hợp bị oan do người có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự gây ra. Theo khoản 1 Điều 1 Nghị quyết 388 thì: “Các trường hợp sau đây được bồi thường thiệt hại:

- a. Người bị tạm giữ mà có quyết định của cơ quan có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự hủy bỏ quyết định tạm giữ vì người đó không thực hiện hành vi vi phạm pháp luật;
- b. Người bị tạm giam mà có quyết định của cơ quan có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự hủy bỏ quyết định tạm giam vì người đó không thực hiện hành vi phạm tội;
- c. Người đã chấp hành xong hoặc đang chấp hành hình phạt tù có thời hạn, tù chung thân, đã bị kết án tử hình mà có bản án, quyết định của Tòa án có thẩm quyền xác định người đó không thực hiện hành vi phạm tội;
- d. Người bị khởi tố, truy tố, xét xử, thi hành án ngoài các trường hợp quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này mà có bản án, quyết định của cơ quan có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự xác định người đó không thực hiện hành vi phạm tội”

Theo khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 388 thì những trường hợp không được bồi thường thiệt hại, tức là không đặt vấn đề oan có “a. Người được miễn trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật... c. Những người thuộc các trường hợp quy định tại Điều 1 của Nghị quyết này mà cố ý khai báo gian dối hoặc cung cấp tài liệu, vật chứng khác sai sự thật để nhận tội thay cho người khác hoặc để che giấu tội phạm”.

Như vậy, theo các quy định nêu trên thì một người được bồi thường thiệt hại, tức là được coi là bị oan do người có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự gây ra đều phải thuộc diện “Có bản án, quyết định của cơ quan có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự xác định người đó

không thực hiện hành vi phạm pháp luật” (điểm a, khoản 1 Điều 1-Nghị quyết 388) hoặc phải thuộc diện “Có bản án, quyết định của cơ quan có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự xác định người đó không thực hiện hành vi phạm tội” (điểm b, c, d khoản 1 Điều 1 Nghị quyết 388).

Vấn đề đặt ra ở đây là, trường hợp một người tuy có thực hiện hành vi phạm tội nhưng đã bị áp dụng các biện pháp tố tụng không đúng quy định của pháp luật, thậm chí bị Tòa án tuyên bản án nặng hơn so với quy định của pháp luật thì có coi là bị oan không? Trường hợp đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án nào được coi là *oan*? Và hiểu thế nào là “Không thực hiện hành vi phạm tội” trong Điều 1 Nghị quyết 388.

Theo nghiên cứu của tác giả, trường hợp một người tuy có thực hiện hành vi phạm tội nhưng đã bị áp dụng các biện pháp tố tụng không đúng quy định của pháp luật, thậm chí bị Tòa án tuyên bản án nặng hơn so với quy định của pháp luật thì không được coi là bị oan, mà chỉ có thể xác định họ bị các cơ quan tiến hành tố tụng áp dụng sai pháp luật hình sự vì họ đã thực hiện tội phạm. Đối với trường hợp đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án thì phải theo quy định của Điều 164, Điều 169, Điều 251 Bộ luật tố tụng hình sự.

Điều 164 quy định, a) Có một trong những căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 105 và Điều 107 của Bộ luật tố tụng hình sự hoặc tại Điều 19, Điều 25 và khoản 2 Điều 69 của Bộ luật hình sự; b) Đã hết thời hạn điều tra mà không chứng minh được bị can đã thực hiện tội phạm. Điều 169 quy định, Viện kiểm sát ra quyết định đình chỉ vụ án khi có một trong những căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 105 và Điều 107 của Bộ luật này hoặc tại Điều 19, Điều 25 và khoản 2 Điều 69 của Bộ luật hình sự. Điều 251 quy định, khi có một trong những căn cứ quy định tại điểm 1 và điểm 2 Điều 107 của Bộ luật này thì Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, tuyên bố bị cáo không có tội và đình chỉ vụ án; nếu có một trong những căn cứ quy định tại

các điểm 3, 4, 5, 6 và 7 Điều 107 của Bộ luật này thì hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ vụ án.

Như vậy, không phải mọi trường hợp đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án là gây nên oan, mà đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án gây nên oan chỉ có một trong ba trường hợp sau đây được quy định tại Điều 107 và Điều 164 Bộ luật tố tụng hình sự:

1. Không có sự việc phạm tội;
2. Hành vi không cấu thành tội phạm;
3. Đã hết thời hạn điều tra mà không chứng minh được bị can phạm tội.

Còn lại tất cả những trường hợp khác đều không được thừa nhận là làm oan trong hoạt động tố tụng hình sự.

Xác định tình tiết “không thực hiện hành vi phạm tội” trong Điều 1 Nghị quyết 388, theo tác giả là người bị oan không thực hiện bất kỳ hành vi nào (bằng hành động và không hành động) được quy định trong Bộ luật hình sự. Việc không thực hiện hành vi phạm tội được thể hiện ở chỗ có chứng cứ chứng minh không có sự việc phạm tội xảy ra, hành vi không cấu thành tội phạm và không có chứng cứ chứng minh bị can phạm tội, mặc dù đã hết thời hạn điều tra.

Do đó, dưới góc nhìn khoa học có đối chiếu pháp luật thực định, từ những chủ trương, chính sách và văn bản cụ thể cũng như phân tích của những nhà khoa học đi trước theo quan điểm cá nhân của tác giả có thể nêu khái niệm “*Oan trong tố tụng hình sự*” như sau:

Oan trong tố tụng hình sự là trường hợp một người không thực hiện hành vi cấu thành tội phạm mà bị áp dụng các biện pháp tố tụng hình sự như bị tạm giữ, tạm giam, khởi tố, truy tố, xét xử, thi hành án.

1.1.2. Những yếu tố xác định một người bị oan do người có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự gây ra

Phải nhắc lại rằng, việc xác định một người có bị oan trong tố tụng hình sự hay không thì không thể chỉ dựa vào lời kêu cứu của họ hay sự đồng thời của dư luận mà phải có căn cứ (cả căn cứ thực tế và căn cứ pháp lý). Xác định một người có thuộc trường hợp bị oan do người có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự gây ra hay không “nhất thiết phải là một phán quyết của cơ quan có thẩm quyền”.

Căn cứ xác định một người bị oan về bản chất cũng chính là căn cứ để minh oan cho họ. Minh oan ở đây bao gồm: bồi thường các thiệt hại vật chất, tổn thất tinh thần, phục hồi danh dự không chỉ cho người bị oan mà còn cho cả thân nhân, cơ quan tổ chức nơi họ công tác. Thực chất của việc xác định oan trong tố tụng hình sự là minh oan cho người vô tội, khắc phục những hậu quả không đáng có đã giáng xuống đầu công dân. TS. Nguyễn Ngọc Chí và Đào Thu Hà khẳng định “Minh oan trong tố tụng hình sự là một quá trình bao gồm nhiều hành vi tố tụng ở các giai đoạn khác nhau của quá trình giải quyết vụ án và có mối liên hệ chặt chẽ với nhau. Tham gia vào quá trình minh oan có nhiều chủ thể, trong đó có chủ thể phải thực hiện việc minh oan như một trách nhiệm pháp lý (cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng), có chủ thể chỉ tham gia vào quá trình đó với tư cách là người có quyền chứ không phải có trách nhiệm chứng minh sự vô tội của mình (bị can, bị cáo, người bị kết án)” [27]. Cũng theo TS. Nguyễn Ngọc Chí và Đào Thu Hà thì: “Cơ chế minh oan trong tố tụng hình sự bao gồm các yếu tố:

- 1/ Quyền bào chữa (tự bào chữa hoặc nhờ người khác bào chữa) của bị can, bị cáo;
- 2/ Trách nhiệm tiến hành các hoạt động minh oan của các cơ quan tiến hành tố tụng;

3/ Bồi thường thiệt hại cho người bị oan và trách nhiệm pháp lý của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đối với việc làm oan người vô tội” [27].

Rõ ràng cả ở khía cạnh lý luận và theo quy định của pháp luật thực định thì việc xác định một người bị oan trong hoạt động tố tụng hình sự là quyền hạn, đồng thời cũng là trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền mà cụ thể là cơ quan có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự. Sở dĩ chúng ta khẳng định như vậy là bởi: chỉ các cơ quan đó mới có thẩm quyền đưa ra những phán quyết về việc kết tội hay gỡ tội trên cơ sở các quy phạm pháp luật. Điều 72 Hiến Pháp Việt Nam 1992 đã ghi rõ: *“Không ai bị coi là có tội và phải chịu hình phạt khi chưa có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật. Người bị bắt, bị giam giữ, bị truy tố, xét xử trái pháp luật có quyền được bồi thường thiệt hại về vật chất và phục hồi danh dự. Người làm trái pháp luật trong việc bắt, giam giữ, truy tố, xét xử gây thiệt hại cho người khác phải bị xử lý nghiêm minh.”* Điều 9 - Bộ luật tố tụng hình sự 2003 cũng tiếp tục khẳng định *“Không ai bị coi là có tội và phải chịu hình phạt khi chưa có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật.”* Như vậy việc xác định sự thật vụ án bao gồm đồng thời hai việc: *“Làm rõ những chứng cứ xác định có tội và chứng cứ xác định vô tội, những tình tiết tăng nặng và những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị can, bị cáo”* (Điều 10, Bộ luật tố tụng hình sự 2003). Xác định sự thật vụ án là trách nhiệm của các cơ quan tố tụng hình sự như Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án.

Pháp luật về bồi thường nhà nước của nhiều quốc gia cũng khẳng định thẩm quyền xác định một người bị oan trong hoạt động tố tụng (trong đó có tố tụng hình sự) cũng chính là các cơ quan có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự. Ví dụ pháp luật của cả ba nước Pháp, Hoa Kỳ, Trung Quốc đều quy định căn cứ xác định một người bị oan là phán quyết của Tòa án có thẩm quyền.

Pháp luật thực định về tố tụng hình sự của Việt Nam hiện hành cũng quy định trong nhiều văn bản liên quan về yếu tố xác định một người bị oan. Theo đó căn cứ này là những phán quyết của cơ quan có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự. Đây vừa là quyền, vừa là trách nhiệm của các cơ tiến hành tố tụng hình sự; còn người bị oan, họ có quyền nhưng không có nghĩa vụ phải chứng minh sự oan khuất của mình. Chẳng hạn Điều 10 Bộ luật tố tụng hình sự quy định: “Trách nhiệm chứng minh tội phạm thuộc về các cơ quan tiến hành tố tụng. Bị can, bị cáo có quyền nhưng không buộc phải chứng minh là mình vô tội.”

Theo Nghị quyết 388 thì các căn cứ xác định một người bị oan do người có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự gây ra gồm:

a) Người bị tạm giữ mà *có quyết định của cơ quan có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự huỷ bỏ quyết định tạm giữ vì người đó không thực hiện hành vi vi phạm pháp luật;*

b) Người bị tạm giam mà *có quyết định của cơ quan có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự huỷ bỏ quyết định tạm giam vì người đó không thực hiện hành vi phạm tội;*

c) Người đã chấp hành xong hoặc đang chấp hành hình phạt tù có thời hạn, tù chung thân, đã bị kết án tử hình mà *có bản án, quyết định của Toà án có thẩm quyền xác định người đó không thực hiện hành vi phạm tội;*

d) Người bị khởi tố, truy tố, xét xử, thi hành án ngoài các trường hợp quy định tại các điểm a, b và c mà *có bản án, quyết định của cơ quan có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự xác định người đó không thực hiện hành vi phạm tội.*

Như vậy, quy định của pháp luật tố tụng hình sự thực định của Việt Nam hiện hành thì: yếu tố xác định một người bị oan trong tố tụng hình sự về mặt nội dung là những trường hợp một người đã bị áp dụng biện pháp tố tụng hình sự nhất định như bị tạm giữ, tạm giam, bị truy tố, xét xử, thi hành án nhưng sau đó lại có căn cứ chứng minh người đó không thực hiện hành

vi phạm tội; và về mặt hình thức đã *có quyết định của cơ quan có thẩm quyền trong tố tụng hình sự xác định người đó không thực hiện hành vi phạm tội.*

1.2. Nhận thức về chính sách pháp luật tố tụng hình sự về bồi thường thiệt hại cho người bị oan

1.2.1. Khái niệm chính sách pháp luật tố tụng hình sự về bồi thường thiệt hại cho người bị oan trong hoạt động tố tụng hình sự

Chính sách xã hội là tổng thể những chủ trương, tư tưởng chỉ đạo có tính chất cơ bản nhất của một chính đảng, một nhà nước nhằm định hướng phát triển cho xã hội đó. Chính sách xã hội với tính chất là những phương hướng ở tầm vĩ mô tự nó không thể đi vào cuộc sống và giúp nhà nước nào đó đạt mục tiêu đặt ra nếu nó không được thể chế hóa bởi pháp luật. Chính sách xã hội bao gồm các bộ phận cấu thành, trong đó có chính sách pháp luật.

Về chính sách pháp luật nói chung và chính sách hình sự nói riêng cũng có những cách định nghĩa khác nhau, song điểm chung của các quan điểm là ở chỗ, bản chất của chính sách là tính định hướng, chỉ đạo có tính chiến lược. Theo PGS.TSKH Lê Cẩm thi “Chính sách tố tụng hình sự là một bộ phận cấu thành của Chính sách hình sự nhằm xác định những phương hướng cơ bản có tính chất chỉ đạo của nhà nước trong hoạt động lập pháp và áp dụng pháp luật tố tụng hình sự, đảm bảo sự ổn định của hệ thống pháp luật tố tụng hình sự, tăng cường việc bảo vệ các quyền và tự do của con người, cũng như những lợi ích hợp pháp của xã hội và của nhà nước bằng pháp luật tố tụng hình sự, đồng thời góp phần nâng cao hiệu quả của cuộc đấu tranh phòng và chống tội phạm” [24].

Như vậy chính sách pháp luật tố tụng hình sự trong mối tương quan với các bộ phận cấu thành khác đó là chính sách, pháp luật hình sự, chính

sách pháp luật thi hành án hình sự và chính sách phòng ngừa tội phạm, bên cạnh nhiệm vụ phòng, chống tội phạm thì nhiệm vụ quan trọng không kém là bảo vệ các quyền tự do của con người, lợi ích hợp pháp của xã hội. Chính sách pháp luật tố tụng hình sự phải bảo đảm xử lý đúng người, đúng tội và đúng pháp luật; không để lọt tội phạm nhưng cũng không được làm oan cho người vô tội. Điều này tiếp tục được ghi rõ trong Điều 1 Bộ luật tố tụng hình sự 2003 về Nhiệm vụ của Bộ luật tố tụng hình sự đó là “nhằm chủ động phòng ngừa, ngăn chặn tội phạm, phát hiện chính xác, nhanh chóng và xử lý công minh, kịp thời mọi hành vi phạm tội, không để lọt tội phạm, không làm oan người vô tội.”

Bảo vệ quyền tự do và các lợi ích hợp pháp của con người là một trong các mục tiêu cơ bản của chính sách pháp luật tố tụng hình sự. Chính sách pháp luật tố tụng hình sự đối với người bị oan do người có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự gây ra là một nội dung trong chính sách pháp luật tố tụng hình sự.

Theo cách hiểu chung, rộng rãi trong khoa học pháp lý và căn cứ pháp luật thực định, có thể nêu khái niệm chính sách pháp luật tố tụng hình sự đối với người bị oan như sau:

Chính sách pháp luật tố tụng hình sự đối với người bị oan trước hết là chế định minh oan trong tố tụng hình sự, tức là không để một người bị oan phải chịu quyết định, bản án không đúng, và sau đó là cơ chế phục hồi những quyền lợi chính đáng mà người bị oan đã bị tổn thất do bị người có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự gây ra cho người bị oan.

1.2.2. Nội dung chính sách, pháp luật tố tụng hình sự về bồi thường thiệt hại cho người bị oan trong hoạt động tố tụng hình sự

Như đã trình bày ở trên, việc bảo vệ quyền tự do và các lợi ích hợp pháp của con người là một trong các mục tiêu cơ bản của chính sách pháp luật tố tụng hình sự. Chính sách pháp luật tố tụng hình sự đối với người bị

oan do người có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự gây ra là một nội dung quan trọng trong chính sách pháp luật tố tụng hình sự. Xuất phát từ chính yêu cầu phải cải cách của ngành tư pháp, trong đó có hoạt động tư pháp hình sự mà chủ trương xây dựng quy phạm pháp luật về bồi thường thiệt hại cho người bị oan do người có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự gây ra đã được Đảng quan tâm chỉ đạo. Từ năm 2002, Nghị quyết 08- NQ/TW đã nêu một trong những nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp thời gian tới là: *“Khẩn trương ban hành và tổ chức thực hiện nghiêm túc các văn bản pháp luật về bồi thường thiệt hại đối với những trường hợp bị oan, sai trong hoạt động tố tụng; nghiên cứu xây dựng Quỹ bồi thường thiệt hại về tư pháp”* [1]. Đây thực sự là văn bản có tính đột phá tính tới thời điểm đó trong việc thực hiện chính sách pháp luật tố tụng hình sự đối với những người đã và đang bị oan ức trong tố tụng hình sự. Dư luận xã hội có nhiều phản ánh tích cực, đồng tình. Nghị quyết 388 ra đời là một niềm vui lớn cho những người bị oan.

Xuất phát từ nguyên tắc hiến định, *“Người bị bắt, bị giam giữ, bị truy tố, xét xử trái pháp luật có quyền được bồi thường thiệt hại về vật chất và phục hồi danh dự. Người làm trái pháp luật trong việc bắt, giam giữ, truy tố, xét xử gây thiệt hại cho người khác phải bị xử lý nghiêm minh”* [7], người bị oan do người có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự gây ra, có quyền được bồi thường thiệt hại và phục hồi danh dự, quyền lợi. Như vậy, người bị oan do người có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự gây ra, có quyền được bồi thường thiệt hại và phục hồi danh dự, quyền lợi. Điều 3 Nghị quyết 388 nêu các nguyên tắc bồi thường thiệt hại phải:

- Kịp thời, công khai và đúng pháp luật.
- Tạo điều kiện thuận lợi để người bị oan, thân nhân của người bị oan hoặc đại diện hợp pháp của họ thực hiện quyền yêu cầu cơ quan có trách nhiệm bồi thường thiệt hại hoặc yêu cầu Tòa án bảo

vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị oan, thân nhân của người bị oan; người bị oan được tạo điều kiện ổn định cuộc sống

- Thiệt hại được bồi thường bao gồm thiệt hại về tinh thần và thiệt hại về vật chất
- Cơ quan có trách nhiệm bồi thường thiệt hại chủ động giải quyết bồi thường thiệt hại cho người bị oan, thân nhân của người bị oan theo quy định của pháp luật
- Việc bồi thường thiệt hại được tiến hành trên cơ sở thương lượng giữa cơ quan có trách nhiệm bồi thường thiệt hại với người bị oan, thân nhân của người bị oan hoặc đại diện hợp pháp của họ; nếu không thương lượng được thì người bị oan, thân nhân của người bị oan hoặc đại diện hợp pháp của họ có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tuy nhiên, việc bồi thường thiệt hại chỉ áp dụng đối với: người bị tạm giữ mà có quyết định của cơ quan có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự huỷ bỏ quyết định tạm giữ vì người đó không thực hiện hành vi vi phạm pháp luật; người bị tạm giam mà có quyết định của cơ quan có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự huỷ bỏ quyết định tạm giam vì người đó không thực hiện hành vi phạm tội; người đã chấp hành xong hoặc đang chấp hành hình phạt tù có thời hạn, tù chung thân, đã bị kết án tử hình mà có bản án, quyết định của Tòa án có thẩm quyền xác định người đó không thực hiện hành vi phạm tội; người bị khởi tố, truy tố, xét xử, thi hành án (mà không bị tạm giữ, tạm giam, hoặc chấp hành hình phạt tù, bị tử hình) mà có bản án, quyết định của cơ quan có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự xác định người đó không thực hiện hành vi phạm tội.

Về nguồn kinh phí chi bồi thường thiệt hại, Nghị quyết 388 nêu rõ *“Kinh phí bồi thường thiệt hại là một khoản trong ngân sách nhà nước”*, việc quản lý, cấp phát, quyết toán kinh phí bồi thường thiệt hại được giao cho Bộ Tài chính. Bên cạnh được bồi thường thiệt hại, *“Người bị oan được*

khôi phục danh dự”, và theo Điều 4 Nghị quyết 388 thì “Cơ quan có trách nhiệm bồi thường thiệt hại phải xin lỗi, cải chính công khai cho người bị oan”. Cũng theo quy định tại điều này thì việc xin lỗi, cải chính công khai được thực hiện bằng các hình thức: Trực tiếp xin lỗi, cải chính công khai tại nơi cư trú hoặc nơi làm việc của người bị oan; đăng trên một tờ báo trung ương, một tờ báo địa phương trong ba số liên tiếp, trừ trường hợp người bị oan hoặc người đại diện hợp pháp của họ có yêu cầu không đăng báo.

Trong thực tế, không phải mọi trường hợp một người không bị xử lý về hình sự đều được đòi bồi thường. Pháp luật tố tụng hình sự quy định, những trường hợp không được bồi thường thiệt hại là những trường hợp: người được miễn trách nhiệm hình sự; người thực hiện hành vi phạm tội theo Bộ luật hình sự năm 1985 thì bị xử lý hình sự, nhưng theo Bộ luật hình sự năm 1999, hành vi của họ không phải chịu trách nhiệm hình sự; người bị tạm giữ, tạm giam, bị khởi tố, truy tố, xét xử, có bản án kết tội là do họ đã cố tình khai báo gian dối hoặc cung cấp tài liệu, vật chứng khác sai sự thật để nhận tội thay cho người khác hoặc để che giấu tội phạm, hoặc họ đã bị tổn hại về sức khỏe, tính mạng, tài sản do lỗi của chính mình hoặc do sự kiện bất khả kháng gây nên.

Hình thức bồi thường thiệt hại và phục hồi danh dự cho người bị oan, người bị gây thiệt hại do người có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự gây ra được quy định như sau:

- Khôi phục danh dự: cơ quan có trách nhiệm bồi thường thiệt hại phải xin lỗi, cải chính công khai cho người bị oan (xin lỗi trực tiếp; cải chính công khai tại nơi cư trú hoặc nơi làm việc của người bị oan có sự tham dự của đại diện chính quyền, đại diện cơ quan, đại diện tổ chức chính trị – xã hội; đăng trên tờ báo trung ương và địa phương 3 số liên tiếp);

- Bồi thường thiệt hại do tổn thất về tinh thần trong thời gian bị giam giữ, chấp hành hình phạt tù: mỗi ngày bị giam giữ, chấp hành hình phạt tù được bồi thường bằng 3 ngày lương tính theo mức lương tối thiểu do nhà

nước quy định tại thời điểm giải quyết bồi thường; nếu người bị oan chết thì vợ, chồng, cha mẹ đẻ, cha mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, người trực tiếp nuôi dưỡng người bị oan được bồi thường chung là 36 tháng lương tối thiểu do nhà nước quy định tại thời điểm giải quyết bồi thường; những trường hợp khác, người bị oan được bồi thường mỗi ngày bị oan bằng một ngày lương tối thiểu do nhà nước quy định tại thời điểm giải quyết bồi thường;

- Bồi thường thiệt hại về vật chất trong trường hợp người bị oan chết được bồi thường: chi phí hợp lý cho việc cứu chữa, bồi dưỡng, chăm sóc người bị oan trước khi chết; chi phí hợp lý cho việc mai táng; tiền cấp dưỡng cho những người mà người bị oan đang thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng.

- Bồi thường thiệt hại vật chất trong trường hợp người bị oan bị tổn hại về sức khỏe: chi phí hợp lý cho việc cứu chữa, bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe và chức năng bị mất, bị giảm sút; chi phí hợp lý và thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc người bị oan trong thời gian điều trị; chi phí hợp lý cho việc chăm sóc người bị oan và khoản cấp dưỡng cho những người mà người bị oan đang thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng trong trường hợp người bị oan mất khả năng lao động và cần có người chăm sóc thường xuyên;

- Bồi thường thiệt hại trong trường hợp tài sản của người bị oan bị thu giữ, tạm giữ, kê biên, tịch thu bị xâm phạm: bồi thường theo giá trị tài sản bị thiệt hại tại thời điểm giải quyết bồi thường; theo thiệt hại thực tế (phát sinh từ việc không sử dụng hoặc theo chi phí hợp lý bảo quản tài sản). Các tài sản khác bị thu giữ, tạm giữ, kê biên, tịch thu của người bị oan không bị thiệt hại thì phải trả ngay; các khoản tiền bị tịch thu, thi hành án, khoản tiền đặt để bảo đảm tại cơ quan có thẩm quyền hoạt động tố tụng hình sự được hoàn trả cho người bị oan, kể cả lãi suất hợp pháp.

Cơ quan có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự đã làm oan phải bồi thường thiệt hại và phục hồi danh dự, quyền lợi cho người bị oan. Trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho người bị oan của từng cơ quan có

thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự ở mỗi trường hợp cụ thể và thẩm quyền thủ tục giải quyết bồi thường. Theo đó việc giải quyết bồi thường giữa cơ quan có trách nhiệm bồi thường với người bị oan, thân nhân của người bị oan hoặc đại diện hợp pháp của họ (sau đây gọi chung là người bị oan) được giải quyết trước tiên bằng thương lượng để cơ quan có trách nhiệm bồi thường thiệt hại có thể chủ động thực hiện việc bồi thường, đồng thời cũng tránh việc phải kiện tụng cho người bị oan. Tuy nhiên nếu việc thương lượng không thành hoặc hết thời hạn quy định mà các cơ quan có trách nhiệm bồi thường không tiến hành thương lượng thì người bị oan có quyền khởi kiện ra Tòa án. Tòa án có thẩm quyền giải quyết bồi thường thiệt hại là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh nơi người bị oan cư trú hoặc làm việc. Thủ tục giải quyết bồi thường thiệt hại tại Tòa là thủ tục tố tụng dân sự.

Do vậy, theo quy định chung, cơ quan có trách nhiệm bồi thường thiệt hại chủ động giải quyết bồi thường cho người bị oan, thân nhân của người bị oan theo quy định của pháp luật; tạo điều kiện cho người bị oan, thân nhân của người bị oan hoặc đại diện hợp pháp của họ thực hiện yêu cầu cơ quan có trách nhiệm bồi thường thiệt hại hoặc yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của họ.

Cơ quan có trách nhiệm bồi thường là những cơ quan có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự đã ra quyết định khởi tố bị can; Cơ quan đã ra lệnh tạm giữ, tạm giam; Cơ quan phê chuẩn gia hạn lệnh tạm giữ, phê chuẩn và gia hạn lệnh tạm giam; Cơ quan ra quyết định truy tố; Tòa án cấp sơ thẩm; Tòa án cấp phúc thẩm; Tòa án nhân dân cấp tỉnh; Tòa hình sự Tòa án nhân dân tối cao; Cơ quan ra lệnh tạm giữ, thu giữ, kê biên, tịch thu tài sản; Cơ quan thi hành án. Tùy theo từng giai đoạn tố tụng mà ra những quyết định gây oan cho người bị oan hoặc gây thiệt hại tài sản cho người bị oan.

Thời hạn giải quyết bồi thường là 30 ngày, kể từ ngày Cơ quan có trách nhiệm bồi thường nhận đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại của người bị oan hoặc thân nhân của người bị oan. Cơ quan có trách nhiệm bồi thường tiến hành thương lượng. Nếu thương lượng thành thì trong thời hạn 7 ngày, Thủ trưởng Cơ quan có trách nhiệm bồi thường ra quyết định bồi thường và chi trả 1 lần. Nếu không tiến hành thương lượng được mà đã hết thời hạn 30 ngày, người bị oan hoặc thân nhân của người bị oan có quyền yêu cầu Toà án có thẩm quyền giải quyết.

Người đã gây thiệt hại có trách nhiệm bồi hoàn cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Để thanh toán cho người bị oan hoặc thân nhân của họ, kinh phí bồi thường thiệt hại được trích từ ngân sách nhà nước. Tuy nhiên, người có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự gây oan do lỗi của mình trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án hình sự có nghĩa vụ hoàn trả theo quy định của pháp luật về trách nhiệm vật chất của cán bộ, công chức.

Theo quy định chung, Thủ trưởng cơ quan đã thực hiện việc bồi thường thiệt hại có trách nhiệm quyết định mức hoàn trả, phương thức hoàn trả mà người có nghĩa vụ hoàn trả phải thực hiện. Thủ trưởng cơ quan cấp trên trực tiếp có trách nhiệm quyết định mức hoàn trả, phương thức hoàn trả trong trường hợp Thủ trưởng Cơ quan có trách nhiệm bồi thường thiệt hại là người có nghĩa vụ hoàn trả.

Người có nghĩa vụ hoàn trả có quyền khiếu nại với Thủ trưởng cơ quan cấp trên trực tiếp của người ra quyết định hoàn trả về việc không đồng ý với quyết định hoàn trả. Quyết định giải quyết khiếu nại của Thủ trưởng cấp trên trực tiếp là quyết định cuối cùng.

Như vậy, nhìn chung chính sách pháp luật tố tụng hình sự đối với người bị oan do người có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự trên cả hai phương diện xây dựng và tổ chức thực hiện đã được triển khai và đạt được những hiệu quả đáng kể. Chính sách này đã giúp minh oan và bồi

thường cho nhiều người bị oan và phần nào lấy lại và gia tăng niềm tin của xã hội đối với hoạt động tư pháp nói chung và tổ tụng hình sự nói riêng.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Như vậy trong chương thứ nhất này tác giả Luận văn đã tổng hợp những kết quả nghiên cứu trước đó, phân tích, đối chiếu với Từ điển Tiếng Việt, quy định vấn đề tương tự trong pháp luật một số nước để làm sáng tỏ nội hàm của khái niệm “Oan trong tố tụng hình sự” và qua đó đã nêu ra định nghĩa ‘Oan trong tố tụng hình sự’ theo quan điểm cá nhân.

Nội dung tiếp theo được trình bày tại Chương này là phân tích chính sách pháp luật tố tụng hình sự liên quan đến việc bồi thường thiệt hại cho người bị oan do những người có thẩm quyền của các cơ quan tiến hành tố tụng hình sự gây nên. Những quy định này đã làm sáng tỏ chính sách hình sự của nhà nước ta trong đấu tranh phòng chống tội phạm theo định hướng: người bị bắt, bị giam giữ, bị truy tố, xét xử trái pháp luật có quyền được bồi thường thiệt hại về vật chất và phục hồi danh dự. Người làm trái pháp luật trong việc bắt, giam giữ, truy tố, xét xử gây thiệt hại cho người khác phải bị xử lý nghiêm minh.

Chương 2

TÌNH HÌNH, NGUYÊN NHÂN LÀM OAN CHO NGƯỜI VÔ TỘI VÀ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VỀ BỒI THƯỜNG CHO NGƯỜI BỊ OAN

2.1. Tình hình làm oan người vô tội và thực hiện chính sách, pháp luật tổ tụng hình sự về bồi thường thiệt hại cho người bị oan

2.1.1. Tình hình làm oan người vô tội do người có thẩm quyền trong hoạt động tổ tụng hình sự gây ra

Thực tiễn giải quyết vụ án hình sự ở nước ta trong những năm qua cho thấy bên cạnh những thắng lợi đạt được thì tình trạng oan vẫn xảy ra. Án oan dù do nguyên nhân nào thì xét đến cùng cũng liên quan trực tiếp tới cơ quan tố tụng và người có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng. Bởi vì oan, tức là đã có một quyết định không đúng từ phía cơ quan có thẩm quyền, gây ra thiệt hại không đáng có cả về vật chất lẫn tinh thần cho những con người cụ thể.

Từ năm 2003 trở về trước, khi mà các quy định về trách nhiệm của các cơ quan, người tiến hành tố tụng trong việc khôi phục danh dự, bồi thường thiệt hại cho người bị oan chưa được ban hành thì vấn đề oan trong tố tụng hình sự tồn tại như một “tảng băng chìm”, là nỗi niềm u uẩn trong những gia đình và bản thân mỗi người chịu oan khuất. Có những trường hợp chịu oan ức trong nhiều năm dài gây tổn hại rất lớn về tài sản của công dân và tổn hại nghiêm trọng về tinh thần của họ. Những vụ việc này cũng đã

được các phương tiện truyền thông đưa tin, phản ánh và gây bức xúc trong dư luận xã hội.

Kể từ khi có Nghị quyết 388/2003/NQ-UBTVQH ngày 17 tháng 3 năm 2003 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, các cơ quan có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự đã hướng dẫn các đơn vị, cơ quan trong ngành mình triển khai thực hiện. Cụ thể, Bộ Công an ban hành Thông tư số 18 ngày 9 tháng 11 năm 2004 hướng dẫn bồi thường thiệt hại cho người bị oan do Công an nhân dân gây ra; Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao có Chỉ thị số 04 ngày 13 tháng 5 năm 2004 hướng dẫn việc tổng rà soát và trình tự bồi thường; Toà án nhân dân tối cao có văn bản số 72 ngày 21 tháng 4 năm 2004 hướng dẫn về thẩm quyền và thủ tục bồi thường trong ngành toà án. Các cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát, Toà án cũng tổ chức nhiều cuộc họp liên ngành ở trung ương để bàn các biện pháp thực hiện việc bồi thường thiệt hại cho người bị oan, bị gây thiệt hại do cơ quan, do người có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự gây ra.

Tuy nhiên, nghiên cứu và thu thập về số lượng người bị oan do hoạt động tố tụng hình sự gây ra không phải là điều đơn giản. Những số liệu người bị oan này thường được coi là số liệu, tài liệu mật, cấm phổ biến. Do vậy, tác giả chỉ thu thập được một số tài liệu công khai và trên mạng internet.

Theo báo cáo của cơ quan điều tra công an thì cơ quan Công an các cấp tiếp nhận 61 đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại. Qua phân loại, cơ quan Công an đã chuyển Viện kiểm sát 21 đơn, còn lại 40 đơn thuộc trách nhiệm của Công an. Qua phân tích, có 6 trường hợp thuộc diện bồi thường, còn lại 34 trường hợp không thuộc diện được bồi thường theo Nghị quyết 388, trong đó có 9 trường hợp trước khi có Nghị quyết 388, Công an các cấp đã bồi thường xong.

Theo báo cáo của ngành kiểm sát, tính đến tháng 8 năm 2005 “Toàn ngành kiểm sát nhân dân đã tiếp nhận 73 đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại

của người bị oan trong đó có 53 trường hợp bị oan thuộc trách nhiệm bồi thường của Viện kiểm sát, trong đó có 20 người do Cơ quan điều tra quyết định đình chỉ điều tra vì họ đã bị bắt, bị tạm giam theo lệnh của Cơ quan điều tra đã được Viện kiểm sát phê chuẩn, 29 người do Viện kiểm sát quyết định đình chỉ điều tra và 24 người do Toà án tuyên không phạm tội; Công an các cấp đã tiếp nhận 61 đơn yêu cầu bồi thường, qua phân loại xác định có 40 đơn thuộc trách nhiệm bồi thường của ngành công an. Toà án nhận 69 đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại theo Nghị quyết 388 mà các đương sự cho rằng, họ bị kết án oan, do Tòa kết án oan gồm những vụ án từ những năm 1990 đến nay trong đó có 4 trường hợp xảy ra sau khi có Nghị quyết 388. Các cơ quan tư pháp trong Quân đội nhân dân rà soát thấy 4 trường hợp phải đình chỉ điều tra vì không chứng minh được tội phạm, đến nay có một trường hợp yêu cầu bồi thường [20]. Những thống kê này cũng tiếp tục được thừa nhận trong Báo cáo kết quả giám sát số 1350/UBPL11 ngày 24/10/2005 của Ủy ban pháp luật - Quốc hội khóa 11 về việc thực hiện Nghị quyết 388.

Theo thống kê của ngành kiểm sát nhân dân, “Trong năm 2007, Viện kiểm sát đã đình chỉ 1.108 bị can trên tổng số 8.947 số bị can được Cơ quan điều tra điều tra, xử lý (chiếm 1,23 %). Trong số đó, có 44 bị can được đình chỉ do không có tội (chiếm 3,97%)” [37]. Còn “theo báo cáo của Tòa án nhân dân tối cao, hiện còn hơn 6.000 đơn thư đề nghị bồi thường oan, sai chưa được xem xét” [32]. Từ những con số được nêu ra trong các Báo cáo có độ tin cậy cao như trên, có thể nói thực trạng oan trong tố tụng hình sự ở nước ta hiện nay rất đáng báo động, ngay cả khi Nghị quyết 388 ra đời, có hiệu lực từ lâu.

Có lẽ không nền tư pháp hình sự nào trên thế giới không gặp phải vấn đề oan. Nhưng để xảy ra tình trạng làm oan cho người vô tội là điều khó có thể chấp nhận trong nhà nước hiện đại. Mục tiêu của pháp luật là điều chỉnh các quan hệ xã hội theo ý chí của Nhà nước song trong xã hội tiến bộ thì

pháp luật cần phải phù hợp với lợi ích chung của cộng đồng. Pháp luật luôn phải được coi là công cụ bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng của mỗi cá nhân. Mục tiêu của chính sách pháp luật tố tụng hình sự của chúng ta là xử lý nghiêm minh mọi hành vi phạm tội nhưng đồng thời cũng thể hiện tinh thần nhân văn, nhân đạo và khoan dung. Xét dưới góc độ xã hội thì cứ gây oan cho một con người tức là Nhà nước (các Cơ quan và người có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự) thêm một lần làm giảm lòng tin của người dân vào nền tư pháp của nước nhà.

Thực tế cho thấy ngoài các trường hợp có đơn yêu cầu đã và đang tiếp tục giải quyết thì cũng còn không ít các trường hợp người bị oan khác chưa lên tiếng hoặc chưa có đủ điều kiện đưa ra công luận.

Thực tiễn của hoạt động tố tụng hình sự cho thấy việc xác định sự thật của vụ án không phải là công việc dễ dàng bởi nó bị tác động bởi những yếu tố khách quan như không gian, thời gian và những yếu tố chủ quan là năng lực của con người mà cụ thể là năng lực của người tiến hành các hoạt động tố tụng. Oan trong tố tụng hình sự có thể xảy ra do nguyên nhân khách quan là sự phức tạp của vụ án, quá trình tố tụng hình sự không thể đạt được mục tiêu cuối cùng là xử lý đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Không ít các trường hợp gây oan cho người vô tội lại do ý muốn chủ quan của người có thẩm quyền, tức là các hành vi tiêu cực, coi thường công lý. Do đó có thể nói rằng oan trong tố tụng hình sự khó có thể được xóa bỏ tận gốc nếu không tìm ra được nguyên nhân và có biện pháp khắc phục triệt để.

2.1.2. Tình hình thực hiện chính sách, pháp luật tố tụng hình sự về bồi thường thiệt hại cho người bị oan

Như đã phân tích ở các phần trước, Nghị quyết số 388 về “Bồi thường thiệt hại cho người bị oan do người có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự gây ra” đã và đang đáp ứng được yêu cầu bức xúc của thực tế. Đây là sự thể chế hóa chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về bồi

thường cho người bị oan được nêu trong Nghị quyết 08-NQ/TW ngày 02 tháng 01 năm 2002 vào cuộc sống. Bên cạnh đó Nghị quyết 388 cũng là sự cụ thể hóa các quy định của Hiến pháp, Bộ luật tố tụng hình sự về việc bồi thường thiệt hại và khôi phục danh dự cho những người đã bị áp dụng các biện pháp tố tụng mà cụ thể là bị bắt, bị tạm giữ, tạm giam, khởi tố, điều tra, truy tố xét xử và thi hành án không đúng pháp luật và do đó họ phải chịu những hậu quả bất lợi trên nhiều mặt một cách oan uổng. Nói một cách khái quát nhất thì Nghị quyết 388 đã thực sự thực tiễn hóa các quy phạm Hiến pháp và các luật về trách nhiệm bồi thường của các cơ quan, người có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự trong việc làm oan người vô tội. Nghị quyết này không những chấn chỉnh hoạt động tố tụng hình sự đi đúng quỹ đạo của nó mà còn là cơ sở pháp lý quan trọng trong việc bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của mỗi con người trong giai đoạn xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay. Nghị quyết 388 còn là “biện pháp chế tài” nhằm định hướng cho những người có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự để họ phải có trách nhiệm cao hơn trong vai trò là những người thực thi công lý, “cầm cân nảy mực” trong xã hội. Nghị quyết 388 đã đáp ứng được yêu cầu của cuộc sống, đồng thời góp phần thiết thực vào công cuộc cải cách tư pháp, tạo điều kiện thuận lợi cho việc đổi mới nền kinh tế, công cuộc cải hành chính, phát huy dân chủ, công bằng xã hội.

Việc ban hành Nghị quyết 388 đã nhận được sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân, góp phần củng cố lòng tin của nhân dân đối với Nhà nước nói chung và các cơ quan tư pháp nói riêng. Nghị quyết đã 388 đã có tác động tích cực tạo ra sự chuyển biến quan trọng trong nhận thức, từ đó nâng cao trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức có chức danh tư pháp trong hoạt động tố tụng hình sự của các cơ quan tư pháp. Bằng chứng là sau khi Nghị quyết 388 ra đời thì việc ban hành các văn bản hướng dẫn cũng đã được quan tâm và triển khai mạnh mẽ như: Thông tư liên tịch số 01/2004/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BTP-BQP-BTC ngày 25/03/2004 (Thông tư

01) giữa Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Tư pháp, Bộ Quốc phòng và Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị quyết số 388, căn cứ Nghị quyết 388 và Thông tư 01, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã ban hành Chỉ thị số 04 ngày 13 tháng 5 năm 2004 về việc triển khai thi hành Bộ luật tố tụng hình sự và yêu cầu Viện kiểm sát nhân dân các cấp tiến hành tổng rà soát, lập danh sách những người bị oan thuộc trách nhiệm bồi thường của Viện kiểm sát nhân dân. Tiếp đó ngày 28 tháng 5 năm 2004 Viện kiểm sát nhân dân tối cao có văn bản hướng dẫn cấp Tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện việc tổng rà soát và đến ngày 01/06/2004 đã có hướng dẫn thống nhất về việc mở sổ thụ lý giải quyết đơn yêu cầu bồi thường của người bị oan và hướng dẫn trình tự, thủ tục giải quyết bồi thường. Về phía ngành Tòa án, ngày 21 tháng 4 năm 2004 Tòa án nhân dân tối cao đã ban hành Công văn số 72/2004/KHXX hướng dẫn cụ thể hơn về thẩm quyền và các thủ tục bồi thường theo quy định của Nghị quyết 388. Ngày 9/11/2004 Bộ Công an cũng đã ban hành Thông tư số 18/2004/TT-BCA (V19) “Hướng dẫn bồi thường thiệt hại cho các trường hợp bị oan do người có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự thuộc Công an nhân dân gây ra”. Cũng phải kể đến sự ra đời của Bộ luật dân sự 2005 với những quy định chung về bồi thường thiệt hại do người có thẩm quyền của cơ quan tiến hành tố tụng gây ra.

Như vậy hầu hết các cơ quan có thẩm quyền trong tố tụng hình sự đã vào cuộc sau 1 năm kể từ khi nghị quyết 388 được ban hành. Và kết quả của việc triển khai nêu trên đã được minh chứng bằng số lượng đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại và khôi phục danh sự của những người đã, đang chịu oan ức do người có thẩm quyền trong tố tụng hình sự gây ra. Theo Báo cáo kết quả giám sát số 1350/UBPL11 ngày 24/10/2005 của Ủy ban pháp luật - Quốc hội khóa 11 về việc thực hiện Nghị quyết 388 thì tính đến thời điểm thực hiện tổng hợp kết quả giám sát (tháng 10/2005) “Sau khi tiếp nhận các

đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại, các cơ quan tư pháp đã tiến hành phân loại thụ lý và giải quyết đơn thuộc thẩm quyền đối với 177 trường hợp (Công an: 40; Viện kiểm sát: 73; Tòa án: 64). Thông qua thương lượng các cơ quan Công an đã thống nhất được mức bồi thường và thực hiện bồi thường đối với 77 người bị oan với số tiền là 2.291.818.852 đồng và 03 người đã được bồi thường theo quyết định của Tòa án với số tiền là 1.900.000.000 đồng”. Còn theo Tờ trình của Chính phủ về dự án Luật Bồi thường Nhà nước thì sau 4 năm thi hành “Tính đến hết năm 2007, các cơ quan tiến hành tố tụng đã giải quyết được gần 200 vụ, với số tiền phải bồi thường là gần 15 tỷ đồng”

Bên cạnh việc bồi thường thiệt hại, theo quy định tại Điều 4 Nghị quyết 388 thì “*Người bị oan được khôi phục danh dự*” và theo đó “*Cơ quan có trách nhiệm bồi thường thiệt hại phải xin lỗi, cải chính công khai cho người bị oan*”. Cũng theo quy định tại Điều này, việc xin lỗi, cải chính công khai được thực hiện bằng các hình thức: trực tiếp xin lỗi, cải chính công khai tại nơi cư trú hoặc nơi làm việc của người bị oan; Đăng trên một tờ báo trung ương, một tờ báo địa phương trong ba số liên tiếp, trừ trường hợp người bị oan hoặc người đại diện hợp pháp của họ có yêu cầu không đăng báo.

Căn cứ quy định này, trong thực tế các cơ quan có trách nhiệm khi xác định rõ những người bị oan đã tiến hành khôi phục danh dự cho họ. Việc xin lỗi, cải chính được tiến hành công khai có sự tham gia của đầy đủ các thành phần, trong đó báo chí, công luận (đặc biệt là các báo điện tử, với tính chất nhanh, rộng) đã tham gia đưa tin trung thực đến đông đảo người dân trên cả nước. Đây là một trong những yếu tố tích cực để tuyên truyền về ý nghĩa xã hội của Nghị quyết 388. Ví dụ, vụ việc giữa công dân Hoàng Minh Tiến, Hà Nội với Viện kiểm sát nhân dân Hà Nội, giữa công dân Lê thị Ngân với Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, giữa công dân

Nguyễn Đình Chiến với Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh Cần Thơ và vụ việc của công dân Trần Thị Lệ Hoa với Tòa án nhân dân tối cao:

“Sáng ngày 28/7/2003, tại trụ sở Đảng uỷ phường Trương Định (Hai Bà Trưng- Hà Nội) ông Hoàng Ngọc Cảnh- Trưởng phòng Kiểm sát xét xử phúc thẩm đã thay mặt Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội thay mặt các cơ quan tố tụng tại Thành phố Hà Nội chính thức công khai xin lỗi ông Hoàng Minh Tiến - Giám đốc điều hành xuất nhập khẩu Liên hiệp Khoa học sản xuất VN, Giám đốc cửa hàng XNK tư doanh Đồng Tiến (nội dung của vụ án, Báo DĐDN đã đăng trên số 58). Việc công khai xin lỗi này được thực hiện theo tinh thần Nghị quyết 388 ngày 17/3/2003 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khoá XI”[33].

“Chiều 25-10-2005, tại Uỷ ban nhân dân phường Bến Thành, quận 1 thành phố Hồ Chí Minh, với sự chứng kiến của chính quyền địa phương, đại diện khu phố, tổ dân phố... Viện Kiểm sát nhân dân đã tổ chức xin lỗi công khai công dân Lê Thị Ngân, người bị khởi tố oan về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản XHCN”. Ngày 22-3-1997, Cơ quan điều tra Công an quận 3 đã khởi tố và bắt tạm giam bà Lê Thị Ngân với tội danh “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản XHCN”. Đến ngày 18-12-1998, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại thành phố Hồ Chí Minh đã xác định bà Lê Thị Ngân là người bị oan. Viện kiểm sát thành phố đã ra quyết định bồi thường thiệt hại cho bà Ngân, tổng cộng 22.853.425 đồng, tổ chức công khai xin lỗi bà Ngân tại địa phương. Đại diện Viện kiểm sát cho biết, đây là trường hợp đầu tiên Viện kiểm sát nhân dân thành phố tiến hành xin lỗi người bị oan sai theo Nghị quyết 388” [34].

“Ngày 15/5/2008, Viện kiểm sát thành phố Cần Thơ chính thức tổ chức buổi công khai xin lỗi khôi phục danh dự cho ông Nguyễn Đình Chiến (nguyên Tổng giám đốc Cty Vimproco; Giám đốc Cty TNHH Cung ứng hàng XNK Phía Bắc; Giám đốc Cty TNHH Nhật Hoàng, Hà Nội) tại Hội trường xã Tân Dĩnh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang theo quy định của

Nghị quyết 388. Bởi lẽ, từ ngày 1/10/1996 khởi tố bắt tạm giam đến ngày 10/7/2006 được Tòa án nhân dân tối cao có quyết định minh oan, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ đã nhiều lần ra cáo trạng truy tố oan khiến ông Nguyễn Đình Chiến lâm vào vòng lao lý gần 10 năm. Hệ lụy của nó làm cho các doanh nghiệp do ông Chiến quản lý, điều hành lâm vào tình trạng tan gia, bại sản, khiến hàng 1.000 lao động thất nghiệp... ” [31];

“Ngày 23/10/2008, tại thị trấn Châu Hưng (Vĩnh Lợi, Bạc Liêu), ông Nguyễn Xuân Phát, Phó Chánh tòa Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại thành phố Hồ Chí Minh tổ chức xin lỗi công khai tại nơi cư trú đối với bà Trần Thị Lệ Hoa. Trước đó, ngày 9/1/2006, bà Trần Thị Lệ Hoa bị TAND tỉnh Bạc Liêu tuyên phạt 7 năm tù giam về tội "Giết người". Tòa nhận định, bà Hoa dùng thuốc trừ sâu đổ vào miệng mẹ nuôi của mình là Nguyễn Thị Hai. Ngày 28/4/2006, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét xử phúc thẩm tuyên y án sơ thẩm. Ngày 4/1/2007, Tòa án nhân dân tối cao kháng nghị bản án hình sự phúc thẩm, đồng thời đề nghị Hội đồng Thẩm phán giám đốc thẩm vụ án theo hướng hủy hai bản án nói trên. Ngày 4/4/2007, Hội đồng Thẩm phán xét giám đốc thẩm, hủy hai bản án hình sự sơ thẩm và phúc thẩm, trả hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân để điều tra lại. Ngày 27/2/2008, Viện trưởng Viện kiểm sát tỉnh Bạc Liêu quyết định đình chỉ mọi hoạt động tố tụng đối với vụ án” [35].

Việc xin lỗi, cải chính công khai đã giúp giải tỏa oan ức cho người bị oan và làm cho những người khác củng cố niềm tin vào công lý và được dư luận, báo chí đánh giá cao. Đúng như trong báo cáo giám sát số 1350/UBPL11 ngày 24/10/2005 của Ủy ban pháp luật - Quốc hội khóa 11 đã ghi nhận: “Sau khi người bị oan đã có yêu cầu bồi thường và các cơ quan có trách nhiệm đã xác định đúng họ là những người bị oan thuộc diện được bồi thường theo Nghị quyết 388, các Cơ quan Công an, Viện kiểm sát, Tòa án đã nghiêm túc thực hiện việc khôi phục danh dự cho người bị oan, cụ thể là Cơ quan Công an đã tổ chức xin lỗi công khai theo yêu cầu của 02

người bị oan. Viện kiểm sát nhân dân đã tổ chức xin lỗi công khai theo yêu cầu của 23 người bị oan, còn 18 người bị oan không yêu cầu xin lỗi mà chỉ yêu cầu bồi thường về vật chất. Tòa án nhân dân cũng đã tổ chức xin lỗi công khai người bị oan và cải chính trên các báo trung ương và địa phương theo quy định của pháp luật. Các buổi công khai xin lỗi được tổ chức trang trọng, thể hiện sự cầu thị, thẳng thắn nhận trách nhiệm của các cơ quan có trách nhiệm bồi thường. Tại các buổi công khai xin lỗi người bị oan đều có sự tham gia của đại diện chính quyền địa phương, đại diện tổ dân phố nơi người bị oan cư trú và các cơ quan thông tấn, báo chí Trung ương và địa phương. Do vậy, việc khôi phục danh dự cho người bị oan có tác dụng tích cực, người bị oan thực sự phấn khởi vì được minh oan, giải tỏa tâm lý nặng nề, mặc cảm, góp phần củng cố lòng tin của người bị oan và được quần chúng nhân dân đồng tình với chủ trương đúng đắn của Đảng và Nhà nước, quy định này đã phát huy tác dụng tích cực, thậm chí có trường hợp, sau khi tổ chức xin lỗi công khai, đương sự đã không yêu cầu bồi thường về vật chất.”[21].

Rõ ràng là kể từ sau khi Nghị quyết 388 được ban hành đến nay chất lượng công tác của tất cả các hoạt động tố tụng hình sự được nâng lên và đặc biệt là số vụ việc để xảy ra oan, sai đã giảm. Điều này chứng tỏ Nghị quyết 388 đã không chỉ là căn cứ để minh oan cho người vô tội, bù những tổn thất mà họ phải gánh chịu do người có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự gây ra mà còn là “chiếc đèn đỏ” cảnh báo điểm dừng cho sự lạm quyền, thậm chí vô trách nhiệm của các cơ quan cũng như người có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự. Bởi thực tiễn cho thấy bên cạnh việc xác định những trường hợp bị oan do người có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự gây ra nhằm bồi thường, phục hồi danh dự cho những người này, các cơ quan có trách nhiệm, theo thẩm quyền của mình cũng đã có hình thức xử lý trách nhiệm của những cán bộ, công chức làm oan cho công dân trong hoạt động tố tụng. Báo cáo giám sát số

1350/UBPL11 ngày 24/10/2005 của Ủy ban pháp luật - Quốc hội khóa 11 đã xác nhận “*Cơ quan Công an đã chuyển công tác 01 Điều tra viên, tổ chức rút kinh nghiệm 04 trường hợp, xử lý kỷ luật 02 cán bộ vì đã làm oan công dân... Ngành Kiểm sát đã tiến hành kiểm điểm, xem xét trách nhiệm của 50 cán bộ có liên quan đến việc làm oan, trong đó có 19 người là Viện trưởng, Phó viện trưởng cấp huyện, 01 Phó viện trưởng cấp tỉnh... TANDTC đã chỉ đạo xử lý đối với các Thẩm phán đã xét xử oan người vô tội, miễn nhiệm, cách chức hoặc không bổ nhiệm lại chức danh Thẩm phán. Đến nay đã có 08 Thẩm phán TAND địa phương bị xử lý và không bổ nhiệm lại Thẩm phán vì đã xét xử oan người vô tội*”

Như vậy, phải khẳng định một lần nữa giá trị của Nghị quyết 388 với công cuộc cải cách tư pháp ở nước ta trong giai đoạn xây dựng Nhà nước pháp quyền là rất to lớn. Đây thực sự là một trong những văn bản quy phạm pháp luật có ý nghĩa rất tích cực trên cả hai lĩnh vực xây dựng và thực hiện pháp luật tố tụng hình sự. Nghị quyết 388 đã góp phần làm thay đổi tư duy và thiên hướng giải quyết vụ án hình sự của các cơ quan và người có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự ở nước ta trước đây, đó là thiên hướng “suy đoán có tội” như đã trình bày ở phần nguyên nhân gây oan trong tố tụng hình sự.

Nói chung, các trường hợp được giải quyết bồi thường theo đơn yêu cầu bồi thường đều có sự phối hợp giữa các cơ quan tư pháp, với chính quyền và đoàn thể địa phương nơi người bị oan cư trú hay làm việc. Do vậy đã động viên và làm tốt công tác tư tưởng đối với người bị oan. Mặt khác, thông qua việc thực hiện Nghị quyết 388, các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thấy rõ trách nhiệm của mình trong việc phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

2.2. Nguyên nhân làm oan người vô tội và nguyên nhân gây nên những tồn tại trong thực hiện chính sách, pháp luật tố tụng hình sự về bồi thường thiệt hại cho người bị oan

2.2.1. Nguyên nhân làm oan cho người vô tội

Về nguyên nhân gây oan trong tố tụng hình sự cũng có nhiều lý giải khác nhau. Có quan điểm cho rằng, có 5 nguyên nhân chủ yếu gây oan: Oan và sai xảy ra do cố ý xâm phạm một cách thô bạo các nguyên tắc quan trọng của luật hình sự và luật tố tụng hình sự; Oan và sai xảy ra do thiên hướng buộc tội trong phong cách và tư duy hoạt động của các cán bộ tiến hành tố tụng; Oan, sai xảy ra do thái độ, phong cách làm việc quan liêu của những người tiến hành tố tụng; Oan và sai xảy ra do kiến thức và năng lực chuyên môn, nghề nghiệp thấp kém của một số người tiến hành tố tụng; Oan và sai xảy ra xuất phát từ việc chưa bảo đảm thực hiện tốt nguyên tắc độc lập của Tòa án và của các cơ quan và người tiến hành tố tụng khác [26].

Còn theo Báo cáo số 66/CP-NC ngày 23/05/2005 của Chính phủ trình Quốc hội “Về các trường hợp bị oan trong tố tụng hình sự và việc xử lý trách nhiệm đối với cán bộ có liên quan” thì có 03 nguyên nhân chủ yếu:

- *Thứ nhất*, cán bộ điều tra chưa tuân thủ nghiêm túc các nguyên tắc cơ bản của công tác điều tra là: “Thận trọng, khách quan”, “Coi trọng chứng cứ, không vội tin lời khai”, “Không được lấy hỏi cung thay thế các biện pháp điều tra khác”; tinh thần trách nhiệm chưa cao; còn hạn chế về trình độ pháp luật và nghiệp vụ; thiếu chặt chẽ trong việc thu thập, củng cố, kiểm tra, đánh giá, sử dụng tài liệu, chứng cứ dẫn đến sai lầm trong việc quyết định khởi tố bị can, bắt, tạm giữ, tạm giam....
- *Thứ hai*, tình trạng quá tải trong việc thụ lý án ở nhiều đơn vị;

- *Và cuối cùng*, đấu tranh phòng, chống tội phạm là lĩnh vực phức tạp... Có không ít trường hợp người phạm tội, người bị hại, người làm chứng, người có liên quan trong vụ án đã khai báo gian dối, cung cấp tài liệu sai sự thật vì quyền lợi ích kỷ của mình...

Từ thực tế của những trường hợp bị oan do người có thẩm quyền trong tố tụng hình sự gây ra và qua những kết quả nghiên cứu và đánh giá, có thể nêu tổng hợp một số nguyên nhân chủ yếu gây ra oan như sau:

Thứ nhất, *do tính chất phức tạp của vụ án, sự nóng vội, muốn nhanh chóng giải quyết được vụ án, cũng như sự khó khăn khách quan về tổ chức và hoạt động của cơ quan tiến hành tố tụng*. Thực tế cho thấy đấu tranh phòng chống tội phạm là lĩnh vực rất phức tạp, thông thường bọn tội phạm sử dụng các thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt nên rất khó xác định chính xác ngay từ đầu các dấu hiệu định tội; tài liệu, chứng cứ ban đầu làm căn cứ quyết định khởi tố, bắt, tạm giữ, tạm giam thường rất ít... “Có không ít trường hợp người phạm tội, người bị hại, người làm chứng, người có liên quan trong vụ án đã khai báo gian dối, cung cấp tài liệu sai sự thật vì quyền lợi ích kỷ của mình...” [19]. Bên cạnh đó cũng phải kể đến sự nóng vội, muốn nhanh chóng bắt được thủ phạm, hoàn thành phần nhiệm vụ theo thẩm quyền của một số cơ quan, người có thẩm quyền nên đã “lạm dụng một số biện pháp tố tụng thay cho công tác điều tra, trinh sát” [19]. Đây cũng là yếu tố phổ biến dẫn tới oan trong hoạt động tố tụng ở giai đoạn khởi tố, điều tra, thậm chí nó gây ra nhiều hậu quả nguy hại cho các giai đoạn sau.

Cũng cần phải kể đến một yếu tố nữa ảnh hưởng tới chất lượng của hoạt động tố tụng mà đôi khi dẫn tới oan là tình trạng quá tải trong việc xử lý các vụ việc của cơ quan tiến hành tố tụng. “Tình trạng quá tải trong thụ lý vụ án ở nhiều đơn vị, với khối lượng công việc quá nhiều, sức ép thường xuyên về thời hạn điều tra, thời hạn tạm giữ, tạm giam làm cho cán bộ điều tra căng thẳng có thể dẫn đến sai lầm; cán bộ lãnh đạo khó có điều kiện kiểm tra, đôn đốc sâu sát, chặt chẽ mọi mặt công tác điều tra, lập hồ sơ”

[19]. Theo báo cáo của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao Nguyễn Văn Hiến trong phiên chất vấn tại phiên họp thứ 10, Quốc Hội khóa XI thì “Ngành công an, kiểm sát còn thiếu điều tra viên, kiểm sát viên trầm trọng” [33].

Như đã trình bày, giai đoạn điều tra có vị trí rất quan trọng trong toàn bộ quá trình giải quyết một vụ án hình sự, do đó nếu trong quá trình này có sự nóng vội, sai lệch thì việc gây oan trong chừng mực nhất định là khó tránh khỏi. Nếu tài liệu, chứng cứ không được thu thập đầy đủ, khách quan, thận trọng thì các khâu sau đó tất yếu gặp khó khăn hơn rất nhiều, thậm chí không thể thực hiện được đến cùng.

Thứ hai, *gây oan do hành vi, thái độ tiêu cực của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng*. Nguyên nhân này cần phân tích hai trường hợp sau đây:

- Oan do cố ý vi phạm các nguyên tắc quan trọng của luật hình sự và tố tụng hình sự. “Đây là căn bệnh nguy hiểm nhất cần được chữa trị tận gốc” [26]. Trong hoạt động tố tụng hình sự ở nước ta đã xảy ra tình trạng người vô tội bị vu oan do hồ sơ vụ án bị làm sai lệch, tạo chứng cứ, hiện trường, người làm chứng giả... Những hành vi tiêu cực, vi phạm các nguyên tắc quan trọng như pháp chế, khách quan, công khai trong tố tụng hình sự, cộng thêm nạn tham nhũng trong một bộ phận cán bộ có thẩm quyền đã làm dư luận xã hội bất bình, làm giảm lòng tin của người dân đối với các cơ quan tố tụng. Sở dĩ đây là một trong những nguyên nhân gây oan là bởi nếu các cơ quan tiến hành tố tụng nghiên cứu hồ sơ thận trọng, thực hiện các khâu tố tụng đúng luật, công tâm thì sẽ không xảy ra tình trạng oan, sai. Thực tiễn hiện nay các khái niệm “chạy án”, “án bỏ túi”, còn tồn tại phổ biến trong suy nghĩ của nhiều người dân về hoạt động tố tụng hình sự.

- Oan do thái độ làm việc quan liêu và thiếu trách nhiệm của những người tiến hành tố tụng. Trong hoạt động tố tụng hình sự, nếu như cơ quan tiến hành tố tụng không căn cứ hiện thực khách quan, thu thập, đánh giá chứng cứ không đầy đủ, toàn diện mà chỉ căn cứ hồ sơ hoặc lời khai để kết

luận thì tất yếu sẽ dẫn tới sai lệch và đương nhiên có thể làm oan người vô tội.

Chẳng hạn theo Báo cáo số 66/CP-NC ngày 23/05/2005 của Chính phủ về các trường hợp bị oan trong tố tụng hình sự và việc xử lý đối với cán bộ có liên quan, trong đó có nêu ra các “*tình tiết cụ thể dẫn đến làm oan người không có tội*”. Trong số tình tiết nêu ra, có những trường hợp cho thấy rất rõ sự quan liêu của các cơ quan, cá nhân có thẩm quyền như: “Hai trường hợp người phạm tội khai báo đổ tội cho người khác là đồng phạm với mình (tội trộm cắp tài sản); một trường hợp người phạm tội bị bắt đã khai sai tên thật của mình bằng cách lấy tên của em trai mình, sau đó bỏ trốn. Cơ quan Công an đã quyết định khởi tố bị can, ra lệnh truy nã người em trai của người phạm tội đó (Tội trộm cắp tài sản); một trường hợp không có giấy phép lái xe, sử dụng xe của mình nhưng giấy đăng ký xe lại đứng tên của người khác (người bạn), khi gây ra tai nạn đã khai xe này là đi mượn. Người có tên trong giấy đăng ký xe cũng khai nhận là đã cho người gây tai nạn mượn xe nên đã bị khởi tố bị can về tội giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện giao thông đường bộ, một trường hợp bị cơ quan Công an xác định là phạm tội trộm cắp tài sản, vì chó nghiệp vụ đã xác định được nguồn hơi của người đó có tại hiện trường...” [16].

Thứ ba, gây oan do trình độ pháp luật và năng lực chuyên môn, nghề nghiệp của cán bộ tiến hành tố tụng hạn chế.

Thực tế cho thấy trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đa số những người tiến hành tố tụng những năm gần đây đã được kiện toàn đáng kể, tuy nhiên do tình hình đấu tranh phòng, chống tội phạm phức tạp; tội phạm gia tăng cả về số lượng và mức độ nguy hiểm nên đội ngũ cán bộ tư pháp nói chung trong đó có đội ngũ cán bộ tiến hành tố tụng nói riêng còn thiếu và yếu, một số không đáp ứng được yêu cầu đặt ra. Bản chất hoạt động tố tụng hình sự là hoạt động áp dụng pháp luật nên những người tiến hành tố tụng cần phải rất am hiểu và nắm chắc pháp luật. “Những sai lầm nghiêm trọng

nhất trong nhiều vụ án là các cơ quan công tố và Tòa án đã không căn cứ vào các yếu tố cấu thành tội phạm để xem xét hành vi cầu bị can, bị cáo; không nắm hết tất cả quy định có liên quan đến các yếu tố cấu thành này... cái gọi là hình sự hóa các quan hệ dân sự, kinh tế trong những năm qua đã trở nên khá phổ biến, gây nhiều bức xúc trong dư luận” [26].

Thứ tư, tình trạng oan xảy ra do tố tụng hình sự ở nước ta còn tồn tại thiên hướng “suy luận có tội” mà vai trò của luật sư trong tranh tụng chưa thực sự được ghi nhận và phát huy đầy đủ.

Về thiên hướng “suy luận có tội” trong hoạt động tố tụng hình sự, có thể thấy do thói quen trong phong cách và tư duy của nhiều cán bộ tiến hành tố tụng là chỉ chú trọng, củng cố các tình tiết, chứng cứ buộc tội và xem nhẹ, thậm chí bỏ qua các tình tiết, chứng cứ gỡ tội trong khi theo yêu cầu thì phải xem xét cả hai yếu tố đó nên đôi khi dẫn tới làm oan là tất yếu. Thực tế có trường hợp “*vì bị truy ép nên đã khai nhận tội và bị khởi tố bị can*” [19]. Kèm theo thiên hướng “suy luận có tội” là tình trạng: trong quá trình điều tra, nhiều chứng cứ, tang vật, tài liệu sẽ bị thất lạc, hư hỏng hoặc bị con người hủy bỏ, tẩu tán và do đó quá trình điều tra, truy tố, xét xử của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng rất dễ rơi vào tình trạng sai lệch và hậu quả gây ra oan.

Bên cạnh đó, trong hoạt động tố tụng hình sự, vai trò của luật sư chưa thực sự được coi trọng, thậm chí trong nhiều vụ án các luật sư còn bị gây khó khăn khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình. Theo quy định tại Điều 58 Bộ luật tố tụng hình sự 2003 thì “*Người bào chữa tham gia tố tụng từ khi khởi tố bị can. Nếu bắt người trong trường hợp khẩn cấp, bắt người đang phạm tội quả tang hoặc đang bị truy nã thì người bào chữa tham gia tố tụng từ khi có quyết định tạm giữ*” và ghi rõ các quyền của người bào chữa, trong đó quyền “*Tham gia hỏi, tranh luận tại phiên tòa*”. Cũng theo điểm a khoản 3 Điều 58 “*Người bào chữa có nghĩa vụ: sử dụng mọi biện pháp do pháp luật quy định để làm sáng tỏ những tình tiết xác định người bị*

tạm giữ, bị can, bị cáo vô tội, những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị can, bị cáo". Tuy nhiên trong thực tế tố tụng của chúng ta còn mang nặng tính "xét-hỏi", tình trạng của cái gọi là "án tại hồ sơ" đã giảm nhưng đâu đó vẫn còn xảy ra nên vai trò của luật sư và những người bào chữa khác trong việc phòng ngừa gây oan chưa thực sự phát huy hết hiệu quả. Cần phải hiểu đầy đủ rằng luật sư tham gia hoạt động tố tụng bên cạnh bị can, bị cáo là để bảo vệ quyền lợi hợp pháp, chính đáng của họ, minh oan cho họ nhưng thực chất cũng là người hỗ trợ các cơ quan, người tiến hành tố tụng áp dụng đúng pháp luật. Mặc dù có nhiều cải cách tiến bộ trong hoạt động lập pháp nhằm gia tăng vai trò, vị trí của người bào chữa (chủ yếu là luật sư) trong tố tụng hình sự, song "*việc người bào chữa đưa ra các chứng cứ và lập luận thuyết phục minh oan cho bị cáo tại phiên tòa nhưng không được Hội đồng xét xử chấp thuận (do Hội đồng xét xử có quyền phán quyết) là hiện tượng tương đối phổ biến trong thực tiễn xét xử hiện nay*" [27]. Ngoài ra sự tham gia của luật sư trong các giai đoạn tố tụng khác cũng còn bị hạn chế do cả quy định pháp luật mang tính chất hành chính nên tình trạng bị can bị ép cung, bức cung dẫn tới phải nhận tội không đúng vẫn còn.

Như vậy, có nhiều nguyên nhân gây nên oan trong hoạt động tố tụng hình sự, trong đó những nguyên nhân xuất phát từ trách nhiệm, trình độ, năng lực của người tiến hành tố tụng là nguyên nhân chủ yếu. Nếu như tất cả những người tiến hành tố tụng đều có trách nhiệm trước công dân; đều có đủ năng lực, trình độ, kiến thức cần thiết về pháp luật nói chung, pháp luật hình sự, tố tụng hình sự nói riêng thì có thể hạn chế đến mức thấp nhất hoặc tránh được những trường hợp làm oan cho người vô tội.

2.2.2. Những tồn tại trong thực hiện chính sách, pháp luật tố tụng hình sự về bồi thường cho người bị oan

Mặc dù kể từ sau khi Nghị quyết 388 đi vào đời sống hệ thống tư pháp của chúng ta có nhiều thay đổi rõ rệt theo hướng tiến bộ, niềm tin của

người dân vào Nhà nước nói chung và các cơ quan tư pháp nói riêng được củng cố, gia tăng. Song, cũng phải thừa nhận rằng việc thực hiện chính sách pháp luật tố tụng hình sự nói chung và việc thực hiện chính sách pháp luật tố tụng hình sự đối với người bị oan cũng còn không ít những tồn tại, hạn chế, vướng mắc chưa đáp ứng hết yêu cầu cách tư pháp và mong đợi của người dân. Cụ thể:

- Số lượng người được bồi thường do các cơ quan tiến hành tố tụng gây oan cho họ nhiều hơn gấp nhiều lần so với người có đơn yêu cầu bồi thường. Theo báo cáo công tác của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao cho thấy, Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát các cấp đình chỉ điều tra vì không phạm tội, hoặc họ thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, hoặc do nhà nước thay đổi chính sách hình sự, có khoảng trên 1000 người [21]. Mặt khác, qua giám sát thi hành pháp luật của các cơ quan trực thuộc Quốc hội cho thấy, thành phố Hà Nội, tỉnh Tiền Giang, thành phố Hồ Chí Minh, có nhiều trường hợp Cơ quan điều tra bắt khẩn cấp, nhưng không được Viện kiểm sát phê chuẩn, trong đó có nhiều trường hợp bắt khẩn cấp không đúng quy định của pháp luật tố tụng hình sự. Điều này cho thấy, còn rất nhiều trường hợp bị oan chưa được xem xét bồi thường thiệt hại theo Nghị quyết 388 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

- Việc giải quyết bồi thường thiệt hại cho người bị oan do các cơ quan tiến hành tố tụng gây ra đang gặp nhiều khó khăn do các cơ quan tiến hành tố tụng làm thất lạc hồ sơ vụ án hình sự. Ví dụ trường hợp ông Phạm Ngọc Q. trú tại 71 Quang Trung, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng bị Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng xét xử về tội cố ý làm trái nguyên tắc, chính sách chế độ và thể lệ kinh tế tài chính và tội tham ô tài sản XHCN và trường hợp ông Nguyễn Bá D. trú tại huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng bị xét xử về tội tham ô tài sản XHCN. Toà phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng tuyên huỷ bản án sơ thẩm để điều tra lại, xét xử lại theo

trình tự sơ thẩm. Nhưng cả hai hồ sơ bị thất lạc. Đến nay đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự, hai ông này yêu cầu bồi thường thiệt hại, nhưng không tìm thấy hồ sơ. Còn nhiều vụ án khác có gây oan nhưng bị thất lạc hồ sơ nên rất khó khăn trong giải quyết bồi thường cho người bị oan.

- Đến nay việc bồi thường thiệt hại còn nhiều hạn chế. Việc giải quyết bồi thường thiệt hại qua thương lượng đến nay đã giải quyết được 77 người bị oan với tổng số tiền là: 1.291.818.352 đồng và 3 người được bồi thường theo quyết định của Toà án với số tiền là 1.900.000.000 đồng. Nhiều trường hợp việc giải quyết bồi thường kéo dài so với thời gian quy định; việc xác định thiệt hại về vật chất rất khó khăn, vướng mắc giữa cơ quan có trách nhiệm bồi thường và người bị oan. Tất cả những trường hợp thương lượng không thành đều do hai bên không thống nhất được mức bồi thường. Có nhiều vụ việc bồi thường cho người bị oan chưa thực hiện theo nguyên tắc: kịp thời, công khai và đúng pháp luật tố tụng hình sự quy định;

- Việc xử lý các cán bộ, công chức làm oan còn những vướng mắc. Các cơ quan tư pháp cũng đã tiến hành xem xét và xử lý cán bộ, công chức đã làm oan cho công dân trong hoạt động tố tụng hình sự, cụ thể: Cơ quan Công an chuyển công tác 1 Điều tra viên, 2 sĩ quan bị kỷ luật khiển trách và cảnh cáo, 4 trường hợp rút kinh nghiệm. Viện kiểm sát xem xét trách nhiệm 50 cán bộ có liên quan đến việc làm oan, trong đó 19 người là Viện trưởng, Phó viện trưởng cấp huyện, 1 Phó viện trưởng cấp tỉnh. Tiến hành cảnh cáo 1 cán bộ, khiển trách 2 cán bộ và kiểm điểm rút kinh nghiệm 47 cán bộ. Toà án xử lý 8 thẩm phán toà án, bằng cách không bổ nhiệm lại làm thẩm phán. Ngoài ra, thực tế cho thấy, việc xem xét trách nhiệm đối với cán bộ trong các cơ quan tiến hành tố tụng liên quan đến việc làm oan cũng có vấn đề như, nhiều cán bộ đã nghỉ hưu hoặc chuyển công tác nên rất khó xác định trách nhiệm bồi thường. Tại một số cơ quan, trong những trường hợp xác định trách nhiệm cá nhân hoàn trả thì chỉ đề nghị rút kinh nghiệm. Mặt khác, có nhiều vụ việc làm oan liên quan đến nhiều ngành (Công an, Kiểm

sát, Tòa án), nên việc xét kỷ luật cán bộ rất khó phân định rạch ròi, cụ thể về trách nhiệm.

- Việc thống kê các trường hợp bị oan do người có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự gây ra còn chưa đầy đủ, tình trạng giải quyết bồi thường bị kéo dài và không thương lượng được mức bồi thường thiệt hại. Vài năm sau khi Bộ luật tố tụng hình sự 2003, Nghị quyết 388 cùng các văn bản hướng dẫn được ban hành thì chúng ta vẫn phải đối mặt với thực tiễn là rất nhiều trường hợp bị oan chưa được thống kê đầy đủ mà các cơ quan mới chỉ thống kê được những trường hợp có đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại. Ngoài ra không ít người bị oan có đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại do đã được minh oan nhưng thời hạn giải quyết bồi thường lại bị kéo dài hơn so với quy định hoặc mức bồi thường theo yêu cầu của người bị oan và mức được các cơ quan có trách nhiệm bồi thường chấp nhận bồi thường còn có sự chênh lệch quá lớn. “Ví dụ: Ông Bùi Văn Mạnh, ở tỉnh Tiền Giang đưa ra yêu cầu bồi thường với số tiền là 1.236.937.000 đồng, nhưng cơ quan có trách nhiệm bồi thường chỉ đồng ý mức tiền là 153.097.629 đồng, hoặc trường hợp ông Hoàng Minh Tiến, ở Thành phố Hà Nội có đơn đề nghị VKSND thành phố bồi thường thiệt hại với số tiền là 2.067.477.815 đồng, VKSND thành phố Hà Nội không đồng ý nên ông Tiến đã khởi kiện VKSND thành phố Hà Nội ra Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng. Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng đã xét xử sơ thẩm, tuyên buộc VKSND thành phố Hà Nội phải trả ông Tiến 27.300.000 đồng. Ông Tiến không chấp thuận và đã có đơn kháng cáo lên TAND thành phố Hà Nội để giải quyết theo trình tự phúc thẩm” [21]. Sau đó tại phiên phúc thẩm TAND thành phố Hà Nội đã tuyên buộc VKSND thành phố Hà Nội bồi thường cho ông Tiến 44.400.000 đồng. Phán quyết này của TAND thành phố Hà Nội cũng đã gây dư luận phức tạp, báo chí và công luận quan tâm không đồng tình. Trong bài ““388” và hành trình giải oan của các doanh nhân” đăng tải trên tờ báo điện tử của giới doanh nhân Việt Nam là www.daddn.com.vn có đoạn : “Phán

quyết được đưa ra chưa thực sự thuyết phục được người bị oan cũng như những ai quan tâm theo dõi vụ việc. Theo ông Tiến thì số tiền đó không đủ chi phí cho việc ông đi lại, viết đơn gửi các cơ quan chức năng trong suốt thời gian bị oan” [33]. Các vụ việc này sau đó còn kéo dài và gây rất nhiều tranh cãi trong lĩnh vực tư pháp cũng như dư luận báo chí. Việc thương lượng không thành làm tình trạng khiếu kiện kéo dài gây tổn thất cho cả người bị oan và gia đình họ, đồng thời làm giảm uy tín của Nhà nước và niềm tin của người bị oan cũng như người dân vào công lý bị giảm sút.

- Vấn đề về nghĩa vụ hoàn trả của cán bộ, công chức làm oan cho công dân theo Điều 16 Nghị quyết 388 cũng còn có những nhận thức khác nhau, đôi khi gây tác động tiêu cực trong một số cán bộ trong hoạt động tố tụng hình sự. Điều 16 Nghị quyết 388 về “nghĩa vụ hoàn trả” ghi: “Người có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự gây oan do lỗi của mình trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án hình sự có nghĩa vụ hoàn trả theo quy định của pháp luật”. Tuy nhiên, sau đó do không có văn bản pháp luật nào quy định mức hoàn trả của Cán bộ, công chức nhà nước nói chung cũng như những người có thẩm quyền trong tố tụng hình sự nói riêng trong việc làm oan cho công dân nên quy định tại Điều 16 nêu trên không thực hiện được. Thậm chí trong thực tế có một số người vì lo lắng phải hoàn trả toàn bộ tiền bồi thường mà cơ quan người đó đã phải bồi thường cho người bị oan nên rất hoang mang, lo lắng phần nào làm ảnh hưởng tới chất lượng công tác. Đâu đó hình thành tư tưởng “*bỏ xót hơn bắt nhảm*” hay tuyên bản án với mức thời hạn đúng bằng thời hạn mà bị cáo đã bị giam giữ, tuyên miễn trách nhiệm hình sự không đúng căn cứ vì sợ nếu bị xác định đã làm oan người vô tội thì sẽ bị xử lý trách nhiệm đồng thời phải bồi thường. Đây là cách phản ứng tiêu cực của một số người có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự, phản ứng kiểu này lại dẫn tới hệ lụy khác đó là bỏ lọt tội phạm, mà “*làm oan người vô tội*” hay “*bỏ lọt tội phạm*” đều

không thực hiện đúng các nguyên tắc quan trọng của chính sách pháp luật hình sự nói chung và chính sách pháp luật tố tụng hình sự nói riêng.

- Rắc rối về tài chính cũng là vấn đề thực tế. Bên cạnh những vướng mắc trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết 388 nói trên, thực tế việc thực hiện chính sách pháp luật tố tụng hình sự cũng còn gặp những cản trở nhất định phát sinh trong quá trình bồi thường thiệt hại cho người bị oan cần được điều chỉnh. Đó là nguồn kinh phí để bồi thường thiệt hại cho người bị oan. Theo quy định tại điều 13 Nghị quyết 388 thì “*Kinh phí bồi thường thiệt hại là một khoản trong ngân sách nhà nước*”, người có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự gây oan do lỗi của mình thì có nghĩa vụ hoàn trả. Như vậy việc quy định kinh phí bồi thường trước hết được lấy từ ngân sách nhà nước sau đó mới tính tới nghĩa vụ hoàn trả của người có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự có lỗi đã làm oan người vô tội là nhằm ưu tiên giải quyết bồi thường cho người bị oan một cách nhanh chóng. Song quy định này chính là nguyên nhân dẫn tới việc chi trả bồi thường chậm trễ do hướng dẫn tại Thông tư 01 “*Cơ quan có trách nhiệm bồi thường thiệt hại phải có văn bản đề nghị bồi thường thiệt hại gửi cơ quan chủ quản ở Trung ương để xem xét tổng hợp và đề nghị Bộ Tài chính cấp kinh phí bồi thường thiệt hại.*”

- Người bị oan không được đăng báo cải chính và việc phục hồi danh dự tại nơi cư trú hoặc nơi người bị oan công tác gặp khó khăn.

Về nội dung thứ hai trong chính sách pháp luật tố tụng hình sự đối với người bị oan do người có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự gây ra, tức là vấn đề phục hồi danh dự: *Xin lỗi và cải chính công khai theo Nghị quyết 388*. Điều 4 Nghị quyết 388 quy định: Việc xin lỗi, cải chính công khai được thực hiện bằng các hình thức: Trực tiếp xin lỗi, cải chính công khai tại nơi cư trú hoặc tại nơi làm việc của người bị oan. Việc xin lỗi, cải chính công khai phải có sự tham gia của đại diện chính quyền địa phương nơi người bị oan cư trú, đại diện cơ quan nơi người bị oan làm việc, đại diện

một tổ chức chính trị, xã hội mà người bị oan là thành viên; đăng trên một tờ báo trung ương và một tờ báo địa phương trong ba số liên tiếp, trừ trường hợp người bị oan hoặc người đại diện hợp pháp của họ có yêu cầu không đăng báo. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày có bản án, quyết định của cơ quan có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự xác định người bị oan, cơ quan có trách nhiệm bồi thường thiệt hại phải thực hiện việc xin lỗi, cải chính công khai theo quy định.

Thực tế thì đa số các trường hợp bị oan đều đã được phục hồi danh dự dưới hình thức xin lỗi, cải chính công khai tại nơi cư trú hoặc tại nơi làm việc của người bị oan bên cạnh việc được bồi thường thiệt hại. Ở một số nơi việc tổ chức các hình thức phục hồi danh dự cho người bị oan được tiến hành công khai, kịp thời, chân tình thì hiệu quả của biện pháp này rất cao, như đã đề cập, có trường hợp sau khi được xin lỗi, cải chính công khai có người đã không đặt vấn đề bồi thường vật chất. Từ trường hợp nêu trên có thể thấy không thể xem nhẹ nội dung này, các cơ quan có trách nhiệm bồi thường không nên tư duy theo kiểu đề cao yếu tố vật chất, coi thường yếu tố danh dự của người bị oan. Trong nhiều trường hợp, thiệt hại về tinh thần (danh dự) của người bị oan còn lớn hơn rất nhiều so với thiệt hại vật chất, bởi cho dù còn hạn chế nhưng thiệt hại thực tế xét đến cũng luôn có thể tính được đầy đủ, nhưng thiệt hại về tinh thần thì không định lượng được. Chính vì thế nguyên nhân chủ yếu của việc người bị oan hoặc thân nhân, người đại diện hợp pháp của họ phải khởi kiện tại Tòa án theo quy định là do các bên không thương lượng được mức bồi thường, trong có nội dung bồi thường thiệt hại cho các tổn thất về tinh thần.

Tuy nhiên, thực tế cũng cho thấy có rất ít các vụ án mà người bị oan được các cơ quan tố tụng xin lỗi, cải chính công khai trên báo. Có người nói một cách tiêu cực rằng: Khi người đó bị bắt, bị xét xử thì báo chí đăng tin hàng loạt, nhưng đến khi được minh oan không thấy họ hào hứng tiếp nhận thông tin đó. Thực ra báo chí không có trách nhiệm và họ không có thông tin để đăng báo nếu không được các cơ quan có thẩm quyền cung cấp thông

tin cho họ. Nghị quyết 388 quy định việc đăng báo là trách nhiệm của cơ quan có trách nhiệm bồi thường, tức là cơ quan đã gây oan cho công dân. Đối với nhiều người bị oan ngoài việc được bồi thường về vật chất, họ muốn qua báo chí mọi người biết nỗi oan ức của mình, cũng như để gây dựng lại niềm tin trong xã hội. Chẳng hạn trường hợp của anh Phạm Việt Nam Hòa Bình từ hành động giúp một người bị tai nạn giao thông đưa vào viện nhưng ngay ngày hôm sau anh lại bị bắt tạm giam vì chính anh Bình là thủ phạm gây ra vụ tai nạn. Ròng rã qua bốn năm, 18 tháng ngồi tù và 17 lần ra tòa với ba phiên tòa của các cấp xét xử tuyên anh Bình không phạm tội, anh mới được minh oan, nhưng giờ đây quyền lợi hợp pháp, chính đáng vẫn chưa trọn vẹn. Anh Bình đã được “Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh hỗ trợ 30 triệu đồng một cách lặng lẽ mà không được xin lỗi công khai trên báo chí” [36].

Vấn đề tiếp theo là, Nghị quyết 388 quy định “Việc xin lỗi, cải chính công khai tại nơi cư trú hoặc nơi làm việc của người bị oan” cũng không dễ dàng thực hiện vì có trường hợp cơ quan nơi người bị oan làm việc không muốn việc xin lỗi, cải chính công khai tổ chức tại đó vì sợ ảnh hưởng tới uy tín, thương hiệu của đơn vị mình. Trường hợp của vợ chồng ông Nguyễn Thành Hải và Nguyễn Thị Thơm ở Thành phố Hồ Chí Minh là ví dụ điển hình. “Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh đã thống nhất sẽ xin lỗi vợ chồng họ tại nơi bà Thơm từng làm việc là Viện Tim thành phố Hồ Chí Minh. Theo bà Thơm, Viện Tim là nơi bà làm việc và là nơi bà "bị tổn thương và mất danh dự nhiều nhất" nên bà yêu cầu được công khai xin lỗi tại địa điểm trên. Thế nhưng vấn đề chưa thể thực hiện vì nảy sinh vướng mắc, phía Viện Tim từ chối việc xin lỗi công khai tại đây với lý do sự việc có liên quan tới một trong hai phẫu thuật chính. Bên cạnh đó, Sở Y tế thành phố cũng không đồng ý vì theo họ, "bà Thơm không còn là người của viện", hơn nữa vụ án lại xảy ra bên ngoài Viện Tim và khi được minh oan thì bản thân bà Thơm không chịu làm việc khác theo sự phân công của cơ quan. Trả

lời cho quan điểm trên, bà Thom cho rằng, theo quy định, việc xin lỗi, cải chính được thực hiện công khai tại nơi cư trú hoặc nơi làm việc của người bị oan theo sự thỏa thuận của giữa người bị oan và cơ quan tố tụng nên Viện Tim không có lý do gì để từ chối. Việc bà không vào làm việc tại viện sau khi vụ án được làm sáng tỏ là do viện đã không bố trí bà vào công việc cũ là trưởng phòng mổ mà lại chuyển sang phòng khám quốc tế làm việc với chức danh y tá là không phù hợp với chuyên môn, nghiệp vụ và không đúng theo quy định pháp luật. Bởi những rắc rối phát sinh trên, nên việc xin lỗi công khai tường chừng đơn giản vẫn chưa được thực hiện.” [36].

Như vậy, bên cạnh những kết quả đạt được chính sách pháp luật tố tụng hình sự đối với người bị oan do người có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự gây ra cũng còn những tồn tại nhất định cần khắc phục kịp thời.

2.2.3 Những nguyên nhân gây nên tồn tại vướng mắc trong việc thực hiện chính sách, pháp luật tố tụng hình sự đối với người bị oan

Tất cả những vấn đề tồn tại, vướng mắc nêu trên đã có ảnh hưởng không nhỏ đến việc thực hiện chính sách, pháp luật về bồi thường thiệt hại cho người bị oan do những người có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự gây nên. Để phát huy những kết quả đạt được đồng thời khắc phục những tồn tại, vướng mắc trong việc thực hiện chính sách pháp luật tố tụng hình sự với người bị oan, lẽ đương nhiên chúng ta phải tìm ra nguyên nhân để căn cứ vào đó có giải pháp khắc phục.

Như đã đề cập và phân tích nhiều lần, chính sách pháp luật tố tụng hình sự đối với người bị oan trong hoạt động tố tụng hình sự là sự thể chế hóa các quan điểm chỉ đạo, chủ trương, định hướng của Đảng, Nhà nước đối với hoạt động tố tụng hình sự. Nhìn trên phương diện tổng thể thì chính sách pháp luật tố tụng hình sự nói chung và pháp luật tố tụng hình sự nói riêng

của chúng ta hiện nay đã có những cải cách tiến bộ. Từ năm 2003 đến nay thành tựu quan trọng nhất trong thực hiện chính sách này là việc ban hành Bộ luật tố tụng hình sự 2003 và Nghị quyết 388. Tuy vậy việc thực hiện chính sách pháp luật tố tụng hình sự đối với người bị oan vẫn còn bộc lộ nhiều đặc điểm hạn chế, chưa thực sự đáp ứng hết yêu cầu bức xúc trong xã hội và chưa đạt được hiệu quả như mong muốn.

Thực tế, nội dung chính sách và những quy định của pháp luật tố tụng hình sự còn chưa được đầy đủ, rõ ràng, chưa bao quát được toàn bộ những thiệt hại do người bị oan phải gánh chịu nên chưa giải quyết một cách đầy đủ, chính xác việc bồi thường thiệt hại cho người bị oan.

Theo chúng tôi, có hai nguyên nhân chủ yếu gây nên những tồn tại nêu trên đó là:

Thứ nhất, nguyên nhân chủ yếu vẫn là Nghị quyết 388 và việc triển khai thực hiện Nghị quyết còn những hạn chế nhất định.

Trước hết là việc ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện Nghị quyết 388 còn chậm, chưa đúng với tinh thần của Nghị quyết gây thiệt thòi cho những người bị oan trong việc yêu cầu bồi thường. Thực tế là hơn một năm sau khi Nghị quyết 388 được ban hành thì Thông tư liên tịch số 01/2004/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BTP-BQP-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2004 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Tư pháp, Bộ Quốc phòng, Bộ tài chính về "Hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị quyết 388" (gọi là Thông tư 01) mới ra đời nên phần nào làm giảm tính thời sự của Nghị quyết 388 và trong một chừng mực nhất định đã làm cho nhiều người, nhất là những người bị oan thất vọng về hiệu lực của một Nghị quyết quan trọng, nhưng lại không được thực hiện ngay. Đây cũng là tình trạng chung trong quá trình thực hiện pháp luật ở Việt Nam. Chúng ta đều biết rằng, tổ chức thực hiện pháp luật là một trong những khâu quan trọng bậc nhất trong quá trình thực tiễn hóa các quy phạm pháp luật. Bởi lẽ, một văn bản luật ban hành mà không được thực hiện

trong đời sống thì đó là một văn bản vô nghĩa, hoặc thực hiện một cách chậm chạp sẽ làm giảm giá trị của văn bản pháp luật, chưa đáp ứng được những yêu cầu của nhà nước pháp quyền. Ví dụ, Nghị quyết 388 của Ủy ban thường vụ Quốc hội được ban hành và có hiệu lực từ tháng 3 năm 2003, nhưng đến tháng 3 năm 2004 Nghị quyết này mới được thực hiện thì trong khoảng thời gian 1 năm đó, liệu có không những trường hợp người bị oan có thể bị những rủi ro nhất định, có thể bị chết. Điều này sẽ gây rất khó khăn cho thân nhân của họ được quyền đòi bồi thường theo Nghị quyết 388 v.v...

Sau nữa, quy định của Nghị quyết và việc thực hiện Nghị quyết này chưa đầy đủ, toàn diện nên việc giải quyết bồi thường thiệt hại cho người bị oan chưa thỏa đáng, công bằng, gây thắc mắc cho người được bồi thường. Đó là trường hợp trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử người bị oan và thân nhân của họ đã chi phí một số tiền như nhờ luật sư, các chi phí này là chi phí thực tế, có tài liệu để chứng minh nhưng vì Nghị quyết 388 chỉ quy định chung về bồi thường thiệt hại về tinh thần nên những chi phí đó chưa được giải quyết. Có một số trường hợp người bị oan trong quá trình bị tạm giữ, tạm giam bị ốm đau, sau khi tại ngoại họ tiếp tục phải điều trị và phục hồi sức khỏe, song thời gian đã quá lâu họ không còn lưu được hồ sơ, biên lai, hóa đơn thuốc nên cũng không được bồi thường.

Ngoài ra nhiều nội dung trong Nghị quyết 388 còn chưa được hiểu thống nhất và thiếu đồng bộ trong phối hợp giải quyết giữa các cơ quan chức năng nên dẫn tới hiện tượng ban hành nhiều văn bản hướng kiểu “*tam sao thất bản*”. Việc ban hành các văn bản hướng dẫn không thống nhất đã hạn chế việc bồi thường cho người bị oan nên việc thực hiện chính sách pháp luật tố tụng hình sự với người bị oan còn chưa đạt mục tiêu như mong muốn. Đây cũng là một tồn tại khá phổ biến trong xây dựng pháp luật ở nước ta. Chẳng hạn Thông tư 01 có những quy định không phù hợp với Nghị quyết 388 nên trong quá trình thực hiện việc giải quyết bồi thường cho người bị oan gặp rất nhiều khó khăn.

Ví dụ, Điều 15, Nghị quyết 388 quy định: 1. Căn cứ vào bản án, quyết định của cơ quan có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự xác định người bị oan trong các trường hợp quy định tại Điều 1 của Nghị quyết này và quyết định của cơ quan có trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong trường hợp thương lượng thành hoặc bản án, quyết định của Tòa án về việc bồi thường thiệt hại, cơ quan có trách nhiệm chi trả phải trả tiền cho người bị oan hoặc thân nhân của người bị oan; 2. Trong thời hạn mười ngày, kể từ ngày nhận được bản án, quyết định được quy định tại khoản 1 Điều này, cơ quan có trách nhiệm chi trả thực hiện việc trả tiền cho người bị oan hoặc thân nhân của người bị oan. Việc chi trả được thực hiện một lần, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác hoặc các bên có thoả thuận khác. Thế nhưng, trong Thông tư 01 lại hướng dẫn tại khoản 1, Điều 2, Mục VI: 2.1. Ngay sau khi có quyết định bồi thường thiệt hại trong trường hợp thương lượng thành hoặc có bản án, quyết định của Tòa án về việc bồi thường thiệt hại có hiệu lực pháp luật, cơ quan có trách nhiệm bồi thường thiệt hại phải có văn bản đề nghị bồi thường thiệt hại gửi cơ quan chủ quản ở Trung ương để xem xét tổng hợp và đề nghị Bộ Tài chính cấp kinh phí bồi thường thiệt hại. Trong văn bản cần ghi đầy đủ cụ thể người được bồi thường thiệt hại, các khoản tiền bồi thường đối với các khoản thiệt hại cụ thể và tổng số tiền đề nghị Bộ Tài chính cấp để thực hiện việc bồi thường thiệt hại.

So sánh hai quy định trên rõ ràng quy định tại Thông tư 01 không phù hợp với Nghị quyết 388. Thông tư 01 đã có quy định gây khó khăn hơn cho người bị oan trong việc nhận bồi thường ở chỗ yêu cầu “cơ quan có trách nhiệm bồi thường thiệt hại phải có văn bản đề nghị bồi thường thiệt hại gửi cơ quan chủ quản ở Trung ương để xem xét tổng hợp”, trong khi Nghị quyết 388 không quy định như vậy. Do đó quy định tại Thông tư 01 không bảo đảm việc chi trả bồi thường nhanh chóng cho người bị oan như quy định tại Nghị quyết. Ngoài ra việc quy định để các cơ quan chủ quản tổng hợp tức là cần

thời gian “xem xét” và sau đó tiếp tục là quy định, thủ tục tài chính cũng là một trở ngại lớn trong việc chi trả bồi thường cho người bị oan.

Việc tính thiệt hại do thu nhập thực tế bị mất của người bị oan cũng có vấn đề. Ví dụ, Điều 9 Nghị quyết 388 quy định: *1. Người bị tạm giữ, tạm giam, chấp hành hình phạt tù có thu nhập ổn định nhưng đã bị mất do bị tạm giữ, tạm giam, chấp hành hình phạt tù thì được bồi thường khoản thu nhập đó.* Trong khi đó, Mục II, 2.5 Thông tư 01 lại quy định: *c) Người bị oan chưa có việc làm hoặc có tháng làm việc, có tháng không và do đó hàng tháng không có thu nhập ổn định thì không được bồi thường theo quy định tại Điều 9 của Nghị quyết số 388.*

Nếu chiếu theo quy định tại Thông tư 01 thì sẽ có những trường hợp tuy có thiệt hại do thu nhập thực tế bị mất nhưng “bị hiểu” là “không có thu nhập ổn định nên không được bồi thường.”

Ngoài ra như đã đề cập, có trường hợp người bị oan trong quá trình bị khởi tố, điều tra, xét xử bản thân họ hoặc thân nhân của họ phải chi các khoản tiền như nhờ luật sư, chi phí thăm nuôi... các chi phí này là chi phí thực tế, có tài liệu để chứng minh thì có được bồi thường không? Hay trường hợp người bị oan trong quá trình bị tạm giữ, tạm giam bị ốm đau, sau khi tại ngoại họ tiếp tục phải điều trị và phục hồi sức khỏe, song thời gian đã quá lâu họ không còn lưu được hồ sơ, biên lai, hóa đơn thuốc...? Nếu những trường hợp này không được chấp nhận bồi thường thì rõ ràng quy định tại Thông tư 01 với Nghị quyết 388 khó có thể nói là đồng nhất với nhau.

Cuối cùng, Nghị quyết 388 còn có những quy định mà khi áp dụng còn có sự nhận thức khác nhau nhưng vì không có văn bản hướng dẫn thi hành nên việc xác định những trường hợp bị oan và trách nhiệm bồi thường gặp không ít khó khăn. Chẳng hạn, trường hợp đình chỉ điều tra nào được coi là bị oan và được bồi thường bởi theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự 2003 thì không phải trường hợp đình chỉ điều tra nào cũng là bị oan. Hay

nghĩa khái niệm “không thực hiện hành vi phạm tội” trong Nghị quyết phải hiểu thế nào? Hoặc về việc người bị oan đã được bồi thường thiệt hại trước ngày Nghị quyết 388 có hiệu lực pháp luật thì khoản 3 Điều 18 thì “*Đối với những người bị oan đã được bồi thường thiệt hại trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thì không áp dụng Nghị quyết này để giải quyết*”. Tuy nhiên trên thực tế các cơ quan tư pháp áp dụng quy định này không thống nhất. Qua quá trình giám sát việc thực hiện Nghị quyết 388 và xử lý đơn thư gửi, Ủy ban pháp luật Quốc hội khóa XI nhận thấy trong thực tế, việc áp dụng quy định bồi thường thiệt hại cho người bị oan còn khác nhau. “Chẳng hạn có người năm 1993 xác định bị oan, đến năm 1994 cơ quan chủ quản đã giải quyết truy lĩnh lương trong thời gian bị khởi tố, nay có đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh có công văn báo cáo xin ý kiến Viện kiểm sát nhân dân tối cao thì được chỉ đạo là *không đặt vấn đề bồi thường nữa*. Cũng có trường hợp người bị oan đã được Ủy ban nhân dân huyện bồi thường trong thời gian bị giam giữ và công khai xin lỗi, đến khi đương sự khởi kiện ra Tòa án thì Tòa án lại cho rằng Ủy ban nhân dân huyện mới chỉ bồi thường về vật chất là khoản tiền thu nhập bị mất trong thời gian bị tạm giam mà chưa bồi thường thiệt hại do tổn thất về tinh thần và các khoản khác nên đã xem xét việc bồi thường.”

Cũng tương tự như vậy, quy định về áp dụng Nghị quyết 388 đối với các trường hợp người bị oan xảy ra trước 01/07/1996 (thời điểm Bộ luật dân sự 1995 có hiệu lực) theo Khoản 2 Điều 18 Bộ luật này cũng có những cách hiểu và áp dụng không thống nhất; hoặc các trường hợp được bồi thường thiệt hại theo điểm b, c, d khoản 1 Điều 1 Nghị quyết 388 là người “không thực hiện hành vi phạm tội” vậy khái niệm “*không thực hiện hành vi phạm tội*” được hiểu là người thực tế không thực hiện hành vi cấu thành tội phạm và cũng không vi phạm pháp luật khác hay có thể thực hiện hành vi vi phạm pháp luật khác nhưng không cấu thành tội phạm v.v... Những điều này đã gây cản trở cho việc thực hiện bồi thường thiệt hại cho người bị oan.

Thứ hai, các yếu tố bảo đảm thực hiện tốt chính sách pháp luật tố tụng hình sự đối với những người bị oan do người có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự gây ra chưa được kiện toàn và thực thi đầy đủ cũng gây ra nhiều hạn chế trong việc thực hiện chính sách này.

Trước tiên, phải thừa nhận rằng, khâu quản lý, lưu trữ của các cơ quan tiến hành tố tụng còn hạn chế nên việc xác định số người bị oan chưa đầy đủ. Một số nơi các cơ quan có thẩm quyền còn để thất lạc hồ sơ vụ án do đó các Cơ quan Công an, Quốc phòng, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân mới chỉ căn cứ đơn, thư yêu cầu minh oan và bồi thường thiệt hại để thống kê giải quyết chứ chưa thực sự chủ động rà soát, xác định các trường hợp bị oan do người có thẩm quyền trong tố tụng hình sự gây ra. Người bị oan còn phải rất vất vả trong việc tìm (đòi) lại quyền lợi chính đáng của mình trong khi chính những người có thẩm quyền trong tố tụng hình sự đã xâm phạm các quyền đó của họ, gây oan ức và thiệt hại cho họ trên nhiều khía cạnh. Nói thẳng thắn rằng vẫn tồn tại sự thiếu khoa học trong công tác quản lý, lưu trữ hồ sơ vụ án, một bộ phận cán bộ, công chức còn thiếu trách nhiệm, thiếu lương tâm nghề nghiệp trong việc khôi phục những quyền lợi hợp pháp, chính đáng đã bị mất của người dân. Nguyên nhân này gây ra nhiều bức xúc không chỉ của người bị oan mà còn của đông đảo nhân dân, làm giảm lòng tin của họ vào cơ quan tư pháp.

Quy trình thực hiện bồi thường thiệt hại còn phức tạp, qua nhiều cơ quan và khâu trung gian là nguyên nhân của tình trạng giải quyết bồi thường chậm trễ và tranh chấp dẫn tới người bị oan phải khởi kiện ra tòa. Một số trường hợp bị oan chưa thực sự nhận thức đúng vấn đề xác định thiệt hại thực tế làm căn cứ bồi thường trong các văn bản luật nên đưa ra các khoản, mức bồi thường theo suy luận không được pháp luật quy định. Nguyên nhân này có mối liên hệ mật thiết tới việc chưa có sự thống nhất về các quy định cụ thể giữa các văn bản, ví dụ Nghị quyết 388 và Thông tư 01. Chính vì

nguyên nhân này mà hầu hết các trường hợp thương lượng không thành là do các bên không thống nhất được mức bồi thường.

Theo quy định tại Nghị quyết 388, cơ quan có trách nhiệm bồi thường thiệt hại phải thương lượng với người bị oan hoặc thân nhân của người bị oan, nếu thương lượng thành thì trong thời hạn quy định cơ quan có trách nhiệm bồi thường ra quyết định bồi thường, trường hợp hết thời hạn cho phép mà cơ quan có trách nhiệm bồi thường không tiến hành thương lượng hoặc việc thương lượng không thành thì người bị oan hoặc thân nhân của người bị oan có quyền khởi kiện cơ quan có trách nhiệm bồi thường ra Tòa án nhân dân cấp huyện, quận, thành phố trực thuộc tỉnh nơi người bị oan cư trú theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Theo quy định này có nhiều trường hợp Tòa án cấp dưới sẽ thụ lý và xét xử vụ kiện mà bị đơn là Tòa án cấp trên nên gây tâm lý thiếu tin tưởng vào sự khách quan trong việc giải quyết bồi thường cho người bị oan và thực tế cũng khó tránh khỏi sự “nhạy cảm” này nên có thể Tòa sẽ tuyên mức bồi thường không thỏa đáng.

Ngoài ra, công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật nói chung trong đó có pháp luật tố tụng hình sự như Nghị quyết 388... nói riêng còn chưa cho hiệu quả mong muốn. Chính vì thế nên đôi khi chính các cơ quan, các nhân có thẩm quyền trong tố tụng hình sự hoặc các cơ quan, tổ chức khác cũng còn có nhận thức chưa thực sự đúng đắn về chính sách này dẫn tới kết quả thực hiện chưa cao. Ngoài ra do trình độ dân trí và sự hiểu biết pháp luật của người dân còn hạn chế, cộng thêm thiếu thông tin kịp thời nên có những trường hợp không biết Nghị quyết 388 để làm đơn yêu cầu được bồi thường.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Như đã phân tích trong chương này với những con số thống kê cụ thể, tin cậy chúng ta thấy rằng thực trạng tình hình oan do người có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự gây rất đáng báo động. Trước thực trạng đó những năm qua chính sách pháp luật tố tụng hình sự của nước ta cũng đã có những định hướng, điều chỉnh kịp thời nhằm bồi thường thiệt hại và phục hồi danh dự cho người bị oan hoặc thân nhân, người đại diện hợp pháp của họ. Ví như Bộ luật tố tụng hình sự 2003, Nghị quyết 388. Tuy nhiên bên cạnh những thành tựu đạt được chính sách này cũng còn bộc lộ nhiều tồn tại, vướng mắc nhất định do nhiều nguyên nhân gây ra. Khắc phục những tồn tại đó bằng giải pháp nào? Đó là câu hỏi được đặt ra và giải quyết ở chương 3.

Chương 3

NHỮNG GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ PHÒNG NGỪA VIỆC LÀM OAN VÀ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VỀ BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI CHO NGƯỜI BỊ OAN

Như đã trình bày ở hai chương trước, trong những năm qua, đặc biệt từ khi Bộ luật tố tụng hình sự 2003 và Nghị quyết 388 ra đời chính sách pháp luật tố tụng hình sự đối với việc phòng ngừa gây oan trong hoạt động tố tụng hình sự đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng góp phần đẩy nhanh quá trình cải cách tư pháp của nước ta. Tuy nhiên, bên cạnh những việc đã làm tốt, việc thực hiện chính sách pháp luật tố tụng hình sự đối với người bị oan cũng như việc phòng và chống, oan cũng bộc lộ những tồn tại hạn chế do nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan. Để góp phần nâng cao hơn hiệu quả thực hiện chính sách này xin nêu ra một số giải pháp dưới đây.

3.1. Những giải pháp hoàn thiện chính sách, pháp luật tố tụng hình sự về phòng ngừa làm oan và thực hiện bồi thường thiệt hại cho người bị oan

3.1.1. Sự cần thiết hoàn thiện pháp luật về bồi thường thiệt hại cho người bị oan trong hoạt động tố tụng hình sự

Như đã trình bày ở các phần trên, phòng ngừa oan và thực hiện bồi thường thiệt hại cho người bị oan trong hoạt động tố tụng hình sự là một trong những nhiệm vụ quan trọng của chính sách pháp luật tố tụng hình sự hiện nay. Vấn đề này được Đảng, Nhà nước quan tâm đặc biệt và người dân chờ đợi từ lâu. Tìm ra các biện pháp phòng ngừa và thực hiện có hiệu quả các giải pháp đó không phải là công việc dễ dàng song chúng ta cần phải nỗ

lực hơn rất nhiều trên cả hai lĩnh vực xây dựng, thực hiện pháp luật và nghiên cứu tổng kết dưới góc độ khoa học.

Tại nước ta ngay từ những năm đầu xây dựng nhà nước cộng hòa, dân chủ nhân dân, các biện pháp phòng ngừa gây oan trong tố tụng hình sự đã được quan tâm và thể chế hóa trong những đạo luật quan trọng. Điều 11 Hiến pháp 1946 quy định “Tư pháp chưa quyết định thì không được bắt bớ và giam cầm người công dân Việt Nam”; Điều 67 quy định, “Các phiên tòa án đều phải công khai, trừ những trường hợp đặc biệt. Người bị cáo được quyền tự bào chữa lấy hoặc mượn luật sư”. Những tư tưởng, quan điểm này sau đó được cụ thể hóa một phần trong rất ít các sắc lệnh, chẳng hạn tại Điều 1 Sắc lệnh số 69/SL ngày 18 tháng 06 năm 1949 quy định: “Từ nay đến khi nào có thể lệ khác, trước các toà án thường và toà án đặc biệt xử việc tiểu hình và đại hình, trừ toà án binh tại mặt trận, bị can có thể nhờ một công dân không phải là luật sư, bào chữa cho.” Điều 2 của Sắc lệnh này nhấn mạnh: “Nếu bị can không có ai bên vực, ông Chánh án có thể, tự mình hay theo lời yêu cầu của bị can, cử một người ra bào chữa cho bị can.” Những quy định này, sau đó tiếp tục được kế thừa và phát triển trong các bản Hiến pháp 1959, 1980 và 1992. Tuy nhiên các quy định và chế tài nhằm quy trách nhiệm đối với các cơ quan, người có thẩm quyền đã gây ra oan lại rất ít và không có cơ chế bảo đảm thực hiện. Suốt thời gian dài trước khi Bộ luật hình sự 1985 được ban hành hầu như chỉ có một văn bản duy nhất quy định vấn đề này đó là Thông tư số 173/UBTP ngày 23/03/1972 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn xét xử bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. Thông tư này có nêu: “Trách nhiệm của cá nhân và pháp nhân: Công chức, viên chức hoặc người đại diện hợp pháp của xí nghiệp, cơ quan trong khi thi hành công vụ, do hành vi liên quan chặt chẽ đến công tác được giao mà gây thiệt hại cho người khác thì cơ quan, xí nghiệp phải bồi thường thiệt hại theo quy chế trách nhiệm dân sự, rồi sau đó cơ quan, xí nghiệp đòi họ hoàn trả việc bồi thường đó theo quan hệ lao động”.

Như vậy đến trước năm 1985 khi Bộ luật hình sự được ban hành chính sách pháp luật tố tụng hình sự nhằm phòng ngừa gây oan thường mới chỉ dừng lại ở chỗ quy định cơ chế bảo đảm việc xét xử có sự tham gia của luật sư, người bào chữa và quyền được tự bào chữa của bị can, bị cáo còn quy định về trách nhiệm của những người có thẩm quyền gây ra oan, sai thì hầu như không được thể chế hoặc nếu có thì rất chung chung và khó thực hiện, trong khi đây là yếu tố quan trọng trong việc phòng, ngừa gây oan cho người vô tội. Oan trong tố tụng hình sự có nhiều nguyên nhân, song dù là chủ quan hay khách quan thì người bị hàm oan phải được khôi phục danh dự và phải được bồi thường thỏa đáng và khôi phục danh dự. Làm như vậy không chỉ nhằm bảo đảm quyền lợi chính đáng của công dân mà còn là biện pháp quan trọng, thực tế nhằm ngăn ngừa tình trạng gây oan trong hoạt động tố tụng hình sự.

Nhưng tiếc rằng trong suốt nhiều năm trước khi Bộ luật hình sự 1985 ra đời vấn đề này chưa được quan tâm thỏa đáng và chưa được thể chế hóa bởi pháp luật, nên đã có không ít người và gia đình họ phải chịu oan ức và tổn hại trên nhiều phương diện, đặc biệt là uy tín, danh dự và kinh tế do người có thẩm quyền trong tố tụng hình sự gây ra, song họ lại không có cơ sở pháp lý để yêu cầu khôi phục danh dự và đòi bồi thường thiệt hại. Tất nhiên cũng phải thừa nhận rằng hệ thống pháp luật của chúng ta nói chung và pháp luật tố tụng hình sự nói riêng trong thời gian đó khó có thể hoàn thiện như mong muốn do những khó khăn trên mọi lĩnh vực của đất nước.

Cùng với quá trình đổi mới trên nhiều mặt của đất nước, càng ngày hệ thống pháp luật của chúng ta nói chung, pháp luật hình sự, tố tụng hình sự nói riêng càng được hoàn thiện trong đó có quy định về các biện pháp phòng ngừa gây oan cho người vô tội. Trước hết phải kể đến Bộ luật hình sự 1985, lần pháp điển này đã chính thức quy định một loạt hành vi mà chủ thể là người tiến hành tố tụng xâm phạm vào hoạt động tư pháp bị coi là tội phạm. Đó là các tội: *Tội truy cứu trách nhiệm hình sự người không có tội, Tội ra*

bản án hoặc quyết định trái pháp luật, Tội dùng nhục hình, Tội bức cung, Tội làm sai lệch hồ sơ vụ án... Bộ luật hình sự sửa đổi các năm 1989, 1991, 1992, 1997 và Bộ luật hình sự năm 1999 tiếp tục kế thừa và phát triển các quy định này như một trong các biện pháp phòng và chống oan trong tố tụng hình sự. Đặc biệt Bộ luật tố tụng hình sự 1988 được ban hành cũng đã tạo những bước chuyển biến đáng kể trong hoạt động tố tụng hình sự với tinh thần chủ đạo là xử lý công minh, kịp thời mọi hành vi phạm tội, không để lọt tội phạm, không làm oan người vô tội. Các cơ quan có thẩm quyền cũng trong hoạt động tố tụng hình sự cũng có những động thái tích cực hơn, chẳng hạn ngày 07 tháng 8 năm 1999 Bộ Công an đã ra *Chỉ thị số 06/1999/CT-BCA về việc chấm dứt ngay tình trạng bắt oan, sai, bức cung, dùng nhục hình trong công tác điều tra và xử lý tội phạm.*

Tuy vậy, bên cạnh những tiến bộ đạt được, chính sách pháp luật tố tụng hình sự cũng vẫn còn bộc lộ nhiều hạn chế và nhiều vấn đề cần được định hướng cụ thể, quyết liệt hơn. Nghị quyết số 08/NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới có nêu “*Chất lượng tư pháp nói chung chưa ngang tầm với yêu cầu và đòi hỏi của nhân dân; còn nhiều trường hợp bỏ lọt tội phạm, làm oan người vô tội, vi phạm các quyền tự do, dân chủ của công dân, làm giảm sút lòng tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và cơ quan tư pháp.*” Trước tình hình đó Nghị quyết nêu ra các nhiệm vụ trọng tâm, trong đó có nhiệm vụ “*Khẩn trương ban hành và tổ chức thực hiện nghiêm túc các văn bản pháp luật về bồi thường thiệt hại đối với những trường hợp bị oan, sai trong hoạt động tố tụng; nghiên cứu xây dựng Quỹ bồi thường thiệt hại về tư pháp*”.

Ngay sau khi Nghị quyết 08 được thông qua, năm 2003 Bộ luật tố tụng hình sự mới thay cho Bộ luật tố tụng hình sự 1988 được ban hành với những cải cách đáng kể trong hoạt động tố tụng hình sự nhằm phòng ngừa gây oan như: phân thêm quyền cho Tòa án cấp huyện để tránh tình trạng quá

tải cho Tòa cấp trên, tăng (mở) thêm quyền cho người bào chữa (luật sư) như được tham gia từ khi có quyết định tạm giữ, có mặt khi lấy lời khai của người bị tạm giữ, khi hỏi cung bị can và có thể được hỏi nếu Điều tra viên đồng ý, tranh luận tại tòa... Song quan trọng hơn cả là Bộ luật tố tụng hình sự 2003 đã chính thức ghi nhận trong Những nguyên tắc cơ bản hai nội dung sau: “Bảo đảm quyền được bồi thường thiệt hại và phục hồi danh dự, quyền lợi của người bị oan người đã gây thiệt hại có trách nhiệm bồi hoàn cho các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật”.

Trên cơ sở các quan điểm chỉ đạo của Đảng trong các Nghị quyết, Bộ luật tố tụng hình sự, ngày 17 tháng 3 năm 2008, Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 388/2003/NQ-UBTVQH 11 về bồi thường thiệt hại cho người bị oan do người có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự gây ra. Nghị quyết 388 không chỉ là cơ sở để người bị oan lên tiếng yêu cầu phục hồi danh dự (xin lỗi, cải chính công khai) và đòi bồi thường thiệt hại từ phía cơ quan và người có thẩm quyền tiến hành tố tụng mà còn là “hội chuông cảnh báo” chính các cơ quan này trong việc thực hiện các hoạt động tố tụng hình sự theo thẩm quyền. Bởi vì, để xảy ra oan, các Cơ quan điều tra, truy tố, xét xử sẽ mất uy tín, cán bộ có thẩm quyền gây ra oan sẽ phải hoàn trả kinh phí bồi thường và bị xử lý trách nhiệm. Công tác phòng, chống tội phạm phải bảo đảm xử lý đúng người, đúng tội và đúng pháp luật đồng thời phải gắn liền với việc minh oan cho người vô tội.

Bên cạnh đó việc hoàn thiện pháp luật về phòng ngừa gây oan thì việc kiện toàn đội ngũ cán bộ chuyên trách về tố tụng hình sự cũng đã được quan tâm nhiều hơn. Công tác phòng chống tham nhũng cũng được đẩy mạnh, các cuộc vận động học tập Tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh được triển khai khá sâu, rộng.

Như vậy cả trong lĩnh vực xây dựng và thực hiện pháp luật có thể nói trên cơ sở các chủ trương, chính sách, Nghị quyết của Đảng, kể từ sau năm 2003 khi Bộ luật tố tụng hình sự được ban hành với nhiều thay đổi lớn, đặc

biệt Nghị quyết 388 ra đời cùng những thông tư cụ thể hóa đi vào cuộc sống đã tạo ra những thay đổi đáng kể trong hoạt động tố tụng hình sự và cả trong đời sống xã hội. Tuy thế với “hàng nghìn trường hợp được các Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân các cấp đình chỉ điều tra vì không phạm tội” [21], và hàng trăm trường hợp tiếp tục có đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại do bị oan trong tố tụng hình sự cũng như rất nhiều các trường hợp bị oan khác đang gây bất bình trong dư luận đã được các cơ quan báo chí đăng tải thì rõ ràng việc hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật trong đó có cả Nghị quyết 388 là rất cấp bách.

3.1.2. Sửa đổi, bổ sung Bộ luật tố tụng hình sự 2003 trong đó có các chế định liên quan tới phòng ngừa việc làm oan

Thứ nhất, cần bổ sung chế định minh oan trong Bộ luật tố tụng hình sự.

Minh oan trong tố tụng hình sự là một nội dung quan trọng bao gồm nhiều hành vi tố tụng và có ở hầu hết các giai đoạn tố tụng hình sự. Bộ luật tố tụng hình sự 2003 nhiều quy định liên quan tới chế định minh oan nhưng về cơ bản có hai nhóm chủ thể thực hiện quá trình minh oan với vai trò khác nhau, đó là: các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng có trách nhiệm phải minh oan cho người đã bị làm oan; và người bị tạm giữ, bị can, bị cáo, người bị kết án có quyền đòi được minh oan trong trường hợp bị những người có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự gây nên.

Như đã từng đề cập, Bộ luật tố tụng hình sự 2003 có bước tiến quan trọng trong việc quy định quyền được bồi thường thiệt hại và phục hồi danh dự, quyền lợi của người bị oan (Điều 29). Quy định này rất có ý nghĩa trong chế định minh oan cho người vô tội, đồng thời là quy định có tính chất ngăn ngừa gây oan rất cao.

Tuy nhiên cần thiết phải coi minh oan là một nguyên tắc quan trọng trong Bộ luật tố tụng hình sự và có quy định rõ các trường hợp được minh

oan và trình tự, thủ tục bồi thường thiệt hại cũng như các hình thức khôi phục danh dự, bảo đảm các quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị oan do những người có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự gây nên.

Thứ hai, nâng cao vai trò và tạo điều kiện cho người bào chữa thực hiện nhiệm vụ của mình trong tố tụng hình sự với tư cách là người bảo vệ lợi ích hợp pháp của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo.

Tính đến nay Bộ luật tố tụng hình sự 2003 đã đi vào cuộc sống hơn 4 năm. Có thể nói những điểm mới quan trọng của Bộ luật tố tụng hình sự 2003 đã tạo ra những bước chuyển biến rõ rệt trong hoạt động tố tụng hình sự về vấn đề phòng và chống oan như quy định về “Bảo đảm quyền được bồi thường thiệt hại và phục hồi danh dự, quyền lợi của người bị oan” tại Điều 29. So với Bộ luật tố tụng hình sự 1988, Bộ luật tố tụng hình sự 2003 có mở rộng hơn quyền của người bào chữa trong quá trình giải quyết vụ án hình sự nhằm minh oan cho người vô tội cũng như quyền, lợi ích chính đáng của bị can, bị cáo.

Mặc dù vậy, theo quy định tại Điều 58 Bộ luật tố tụng hình sự 2003 thì người bào chữa được tham gia tố tụng hình sự từ khi khởi tố bị can, trong trường hợp bắt khẩn cấp, bắt người phạm tội quả tang hoặc đang bị truy nã (theo Điều 81, 82) thì người bào chữa được tham gia tố tụng từ khi có quyết định tạm giữ và được tham gia với mức độ nhất định trong quá trình lấy lời khai của người bị tạm giữ và hỏi cung bị can. Quy định cho phép người bào chữa tham gia tố tụng sớm như vậy là để người bào chữa có cơ hội bảo vệ tốt hơn lợi ích hợp pháp cho thân chủ của họ, đồng thời là cơ sở pháp lý để người bào chữa mà chủ yếu là luật sư thực hiện thêm chức năng “kiểm soát” hoạt động tố tụng hình sự của cơ quan, người tiến hành tố tụng, bảo đảm không để xảy ra những trường hợp oan đáng tiếc. Tuy nhiên, quy định tại điểm a khoản 2 Điều 58 lại quy định người bào chữa “*có mặt khi lấy lời khai của người bị tạm giữ, khi hỏi cung bị can và nếu Điều tra viên đồng ý thì được hỏi người bị tạm giữ, bị can*”. Quy định này thực sự

chưa hợp lý và thực chất là chưa thừa nhận đúng đắn vai trò của người bào chữa trong tố tụng hình sự. Người bào chữa phải có quyền hỏi đối tượng của họ để xác định những thông tin cần thiết cho việc bào chữa, việc hỏi này có sự chứng kiến của Điều tra viên, tức là công khai. Quy định như vậy người bào chữa coi như bị “chỉ đạo” bởi Điều tra viên và do đó gây hiểu nhầm trong nhận thức rằng: trong tố tụng hình sự người tiến hành tố tụng phải có quyền năng tuyệt đối, người bào chữa tham gia là “có vấn đề”. Tức là “Điều tra viên thường coi người bào chữa như một rào cản trong hoạt động tố tụng hình sự (barrier)” [27].

Do đó quy định tại điểm a khoản 2 Điều 58 cần được sửa đổi theo hướng *“Người bào chữa có mặt khi lấy lời khai của người bị tạm giữ, khi hỏi cung bị can và được hỏi người bị tạm giữ, bị can trừ những trao đổi bị pháp luật cấm”*

Ngoài ra, tại Điều 190 Bộ luật tố tụng hình sự 2003 (cũng giống như Bộ luật tố tụng hình sự 1988) vẫn quy định *“Người bào chữa có thể gửi trước bản bào chữa cho Tòa án. Nếu người bào chữa vắng mặt Tòa án vẫn mở phiên tòa xét xử”*. Quy định này lại chưa thực sự nêu cao trách nhiệm của người bào chữa trong việc bảo vệ đối tượng của họ. Bên cạnh đó việc quy định cho phép người bào chữa vắng mặt trong phiên xử không đồng nhất với xu thế chuyển đổi từ “tố tụng xét hỏi” sang tranh tụng mà chính sách pháp luật tố tụng hình sự chúng ta đang hướng tới như tinh thần chỉ đạo tại Nghị quyết 08-NQ/TW *“Việc phán quyết của tòa án phải căn cứ chủ yếu vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, của người bào chữa...”*. Vậy nếu người bào chữa vắng mặt thì việc tranh tụng diễn ra như thế nào?

Hơn nữa trong thực tế người bào chữa thường là luật sư, bởi người bị tạm giữ, bị can, bị cáo cần người có trình độ hiểu biết pháp luật cao, chuyên nghiệp bảo vệ cho mình chứ hầu hết họ khó có thể tranh luận với những người tiến hành tố tụng nên sự vắng mặt luật sư tại phiên tòa là không ổn.

Mặt khác quy định như tại Điều 190 hiện nay cũng đồng nghĩa với việc duy trì kiểu tố tụng “án tại hồ sơ” tồn tại lâu nay như là một trong những rào cản của chính sách phòng ngừa gây oan trong tố tụng hình sự. Quy định kiểu này khác nào thừa nhận việc luật sư chỉ cần căn cứ hồ sơ vụ án, suy luận trên các tài liệu có trong hồ sơ để viết bài bào chữa. Tất nhiên luật sư với lương tâm nghề nghiệp và nguyên tắc hành nghề thường rất chủ động và tích cực trong việc bảo vệ cho thân chủ mình nhưng không loại trừ những luật sư xấu, vô trách nhiệm với thân chủ. Điều này không phải chưa xảy ra trong thực tế.

Và lại, xét dưới góc độ kỹ thuật lập pháp quy định người bào chữa có thể vắng mặt tại phiên tòa xét xử thân chủ của họ cũng không logic với chính quy định ngay trong Điều 190 là: “*Người bào chữa có nghĩa vụ tham gia phiên tòa*”, chẳng nhẽ một văn bản bào chữa có thể thay cho nghĩa vụ có mặt?

Vì vậy quy định này cần phải sửa đổi theo đúng tinh thần “*Người bào chữa có nghĩa vụ tham gia phiên tòa*” để nâng cao vai trò, trách nhiệm của người bào chữa trong việc minh oan và phòng ngừa gây oan.

3.1.3. Xây dựng chế định bồi thường thiệt hại cho người bị oan do người có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự gây ra trong Luật bồi thường nhà nước trên cơ sở kế thừa Nghị quyết 388

Như đã phân tích trong phần *Những tồn tại, vướng mắc trong thực hiện chính sách pháp luật tố tụng hình sự đối với người bị oan và nguyên nhân của những tồn tại đó* thì bên cạnh những kết quả đạt được, việc triển khai thực hiện Nghị quyết 388 với tính chất là văn bản trọng tâm đột phá của chính sách pháp luật tố tụng hình sự đối với người bị oan còn gặp những vướng mắc, tồn tại do Nghị quyết còn thiếu nhiều quy định cụ thể đồng thời nhiều quy định lại không chặt chẽ, rõ ràng cần sửa đổi hoàn thiện. Sau 5 năm phát huy những mặt tích cực, Nghị quyết 388 coi như đã hoàn thành sứ

mệnh của nó, nay chúng ta cần có một văn bản quy định rộng hơn, bao quát mọi lĩnh vực hoạt động nhà nước gây ra oan ức và thiệt hại cho dân để xác định trách nhiệm bồi thường. Văn bản đó có thể là *Luật bồi thường nhà nước* như một số quốc gia trên thế giới, hoặc có tên gọi khác, quy mô khác song cần bảo đảm mấy yêu cầu sau:

Thứ nhất, việc xác định các trường hợp bị oan do người có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự gây ra cần được xác định rõ hơn, cần làm rõ hoặc thay thế khái niệm “không thực hiện hành vi phạm tội” trong Điều 1 Nghị quyết 388 cho phù hợp với quy định của Bộ luật tố tụng hình sự trong các trường hợp đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án, bản án xác định bị cáo, người bị kết án không có tội. Theo đó nên nêu rõ các trường hợp được coi là oan gồm: *Thực hiện hành vi không cấu thành tội phạm và không có sự việc phạm tội.*

Thứ hai, thiệt hại về vật chất được bồi thường phải được quy định chi tiết thành các loại thiệt hại như: thiệt hại do tài sản bị xâm hại, hư hỏng, hủy hoại; thiệt hại do thu nhập thực tế bị mất (hoặc gọi là thu nhập xác định được); thiệt hại do tổn thất về tinh thần.

Thứ ba, đối với trường hợp người lao động không có thu nhập thường xuyên thực tế, không có việc làm như tại Thông tư 01 đã đề cập “Người bị oan chưa có việc làm hoặc có tháng làm việc, có tháng không và do đó hàng tháng không có thu nhập ổn định” thì vẫn phải xem xét mức bồi thường vì đã bị oan tức là có thiệt hại nhất định về vật chất. Tránh lặp lại quy định như Thông tư 01 là “không được bồi thường”.

Thứ tư, mức bồi thường do tổn hại về tinh thần cũng cần xem xét kỹ nhất là trường hợp tổn thất do tính mạng bị xâm phạm. Tổn thất này không thể coi là nhỏ.

Thứ năm, cần quy định rõ trách nhiệm của địa phương nơi cư trú và cơ quan, đơn vị nơi người bị oan công tác trong việc phối hợp tổ chức xin

lỗi, cải chính công khai cho họ để bảo đảm người bị oan được phục hồi danh dự đúng nguyện vọng và có cơ hội gây dựng lại uy tín với cộng đồng.

Thứ sáu, cần có văn bản quy định, hướng dẫn cụ thể về trách nhiệm hoàn trả của người có thẩm quyền trong tố tụng hình sự đã gây ra oan cho công dân, đồng thời quy định rõ vấn đề xử lý trách nhiệm vật chất, trách nhiệm kỷ luật của cán bộ trực tiếp gây ra oan và trách nhiệm của những người liên đới trong việc thụ lý, phụ trách vụ án oan.

3.2 Những giải pháp nâng cao trách nhiệm của cơ quan và những người tiến hành tố tụng để phòng ngừa việc làm oan trong tố tụng hình sự

3.2.1 Trách nhiệm của tòa án trong việc giải quyết tranh chấp khi người bị oan khởi kiện tại Tòa

Về nguyên tắc việc bồi thường được tiến hành theo hình thức thương lượng giữa người bị oan và cơ quan có trách nhiệm bồi thường. Điều này đã được quy định trong Nghị quyết 388 và cần được tiếp tục ghi nhận trong các văn bản khác bởi quy định như vậy để thuận tiện cho cả hai phía trong việc giải quyết hậu quả đã xảy ra. Tuy nhiên hầu như việc thương lượng rất khó thành, bởi thực tế người bị oan luôn muốn được bồi thường nhiều nhất những thiệt hại đã mất nhưng nhiều khi họ lại không có căn cứ để chứng minh thiệt hại thực tế đã mất do họ làm nghề tự do, nghề kinh doanh... Chính vì thế mà hầu hết cả các trường hợp thương lượng không thành khi áp dụng Nghị quyết 388 là do các bên không thống nhất được mức bồi thường. Có khi mức các bên đưa ra chênh lệch theo tỷ lệ 1/100, như các vụ việc đã từng được công luận nêu và có trích dẫn trong luận văn này. Việc thương lượng không thành thì người bị oan có quyền và tất nhiên họ sẽ khởi kiện ra Tòa án. Nhưng vấn đề mấu chốt ở đây là theo quy định hiện hành thì Tòa án có thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án lại là Tòa án cấp huyện và tương

đương mà nhiều khi đương sự (bị đơn của họ) lại là Tòa án nhân dân cấp cao hơn hoặc Viện kiểm sát cấp cao hơn. Trong bối cảnh thực tiễn nước ta, điều này trong thực tế khó được giải quyết triệt để nên Tòa án chưa phát huy hết vai trò và tính chất là cơ quan phán quyết cuối cùng của việc minh oan và giải quyết bồi thường cho người bị oan. Vì thế cho nên việc xác định Tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp về bồi thường trong trường hợp người bị oan khởi kiện cũng cần nghiên cứu thêm. Song thiết nghĩ, với vị trí độc lập của mình thì Tòa án dù cấp nào cũng phải thực hiện đúng nhiệm vụ của mình là xét xử khách quan, công minh, đúng pháp luật. Xét đến cùng thì Tòa án chính là nơi nương tựa cuối cùng của người bị oan trong hành trình tìm lại công lý.

3.2.2. Giáo dục phẩm chất đạo đức, nâng cao trách nhiệm, và trình độ, năng lực pháp luật cho những người tiến hành tố tụng hình sự

Người tiến hành tố tụng hình sự trong Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án là những người được giao trọng trách đặc biệt – là người “cầm cân nảy mực” nên trước hết họ phải là những người nắm vững pháp luật, thông thạo chuyên môn nghề nghiệp, đồng thời phải là những người công tâm, khách quan. Thực tế những năm gần đây tình trạng quan liêu, tham nhũng, cửa quyền trong một bộ phận cán bộ, công chức nói chung và cán bộ, công chức trong các cơ quan tố tụng đã gây nhiều hậu quả tiêu cực trong xã hội. Nhiều vụ án lớn có sự tham gia của các quan chức thuộc các cơ quan bảo vệ pháp luật đã làm giảm sút niềm tin của người dân vào Nhà nước cũng như nền tư pháp nói riêng. Tham ô, nhũng nhiễu luôn đi kèm với thói quan liêu, cửa quyền, coi thường công lý từ đó coi thường tự do, tính mạng của công dân. Đây cũng chính là một trong những nguyên nhân gây ra tình trạng oan, sai trong tố tụng hình sự. Do đó việc phòng chống oan sai phải bắt đầu từ việc hoàn thiện hệ thống pháp luật và song song với nhiệm vụ đó là những giải pháp nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ và

phẩm chất chính tri, đạo đức, lương tâm nghề nghiệp cho những người này. Công tác đào tạo phải đáp ứng với nhu cầu thực tế.

Để thực hiện được mục tiêu nêu trên cần giải quyết đồng bộ các vấn đề sau:

- Nâng cao chất lượng đào tạo luật và nghiệp vụ chuyên môn đi đôi với giáo dục phẩm chất, đạo đức, kỹ năng nghề nghiệp cho cán bộ các ngành trong hoạt động tố tụng hình sự;

- Nâng cao trình độ pháp luật và kỹ năng xét xử để Hội thẩm nhân dân thực hiện đúng, đủ vai trò của mình trong xét xử, tránh hiện tượng vốn phổ biến lâu nay là Hội thẩm nhân dân tham gia cho đủ thành phần còn quyết định là do Thẩm phán. Trong khi vai trò của Hội thẩm nhân dân theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự là rất lớn như quy định trong phần Các nguyên tắc cơ bản trong Bộ luật tố tụng hình sự (Điều 15, Điều 16, Điều 17). Thực tế cho thấy mặc dù pháp luật trao cho Hội thẩm nhân dân quyền năng ngang với thẩm phán (Điều 16 Bộ luật tố tụng hình sự 2003 quy định: “Thẩm phán và Hội thẩm độc lập và chỉ tuân theo pháp luật”; Điều 17 quy định: “Tòa án xét xử tập thể và quyết định theo đa số”) nhưng so sánh điều kiện bổ nhiệm Thẩm phán và trình độ thức tế của Thẩm phán với Hội thẩm nhân dân thì rõ ràng Hội thẩm nhân dân không thể chuyên nghiệp như Thẩm phán được và nếu không thông thạo luật thì Hội thẩm nhân dân khó mà quyết định độc lập với Thẩm phán được. Nhưng ngược lại, giả sử (nếu) trong khi quyết định mà 2 Hội thẩm nhân dân quyết định theo hướng khác “chống” lại Thẩm phán thì sẽ thế nào? Sự tham gia của Hội thẩm nhân dân trong xét xử là để phiên tòa có những phán xét đúng luật, công bằng, phòng ngừa gây oan nên nhất định Hội thẩm nhân dân phải thực sự chuyên nghiệp.

- Tổ chức tốt công tác thi đua, tuyên dương, khen thưởng những cán bộ, công chức điển hình trong công tác chuyên môn, nghiệp vụ, không để xảy ra tình trạng làm oan người vô tội; đối với các cơ quan nếu để xảy ra oan thì trong năm không nên xét bất cứ danh hiệu thi đua nào.

- Đẩy mạnh cải cách tư pháp; phòng, chống oan trong tố tụng hình sự phải gắn liền với cuộc chiến chống tham nhũng trong Bộ máy nhà nước nhất là các cơ quan có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự.

Cũng cần nói thêm rằng cán bộ, công chức trong các cơ quan bảo vệ pháp luật phải là những người có bản lĩnh, dám thừa nhận sai trái và chịu trách nhiệm về những việc mình gây ra để có cơ hội khắc phục, sửa chữa. Khi có lỗi gây ra làm oan, không nên có thái độ ngoan cố, tiêu cực. Không nên vì né tránh trách nhiệm, sợ phải bồi thường mà cố ý tiếp tục ra các quyết định sai để không phải bồi thường và chịu các trách nhiệm khác. Chẳng hạn ra quyết định “miễn trách nhiệm hình sự” mặc dù không có sự việc phạm tội hoặc tư tưởng “bỏ sót hơn bắt nhầm”.

Ngoài ra, trên cơ sở hoàn thiện và cải cách pháp luật nói chung và cải cách nền tư pháp nói riêng các cơ quan tố tụng và người tiến hành tố tụng cần thay đổi dần tư duy và lề lối làm việc đã thành thói quen lâu nay trong khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử là thiên hướng “suy luận có tội”, sự nóng vội và quan liêu trong hoạt động chuyên môn tránh gây ra những sai lầm đáng tiếc và để người vô tội bị hàm oan như đã từng có trong tố tụng hình sự trước đây. Các cán bộ, công chức ngành tư pháp nói chung, tư pháp hình sự nói riêng luôn phải nhận thức rõ vị trí, vai trò quan trọng của mình trong thực thi công lý là chỗ dựa của người dân oan trong vòng lao lý.

3.2.3. Có chính sách tuyển dụng công khai, minh bạch, thu hút những người có tài, có đức vào làm việc trong các cơ quan tiến hành tố tụng

Hiện nay nước ta đang đối mặt với tình trạng người trẻ, có tài không mặn mà làm việc trong khu vực công, trong đó có lĩnh vực tư pháp hình sự. Vấn đề này cần giải quyết đồng bộ trên nhiều lĩnh vực khoa học về quản lý và chính sách tiền lương, cũng như chính sách đãi ngộ người có tài, có đức. Tuy nhiên ở đây vẫn cần đề cập tình trạng tuyển dụng thiếu minh bạch và

thậm chí là yếu tố tham nhũng trong công tác tuyển chọn cán bộ của một số cơ quan có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự. Tình trạng này dẫn tới hệ lụy tiêu cực là “bài toán thừa, thiếu giả” cán bộ, công chức trong các cơ quan Tòa án, Viện kiểm sát. Báo cáo của các cơ quan tòa án, viện kiểm sát những năm gần đây luôn đề cập tình trạng thiếu trầm trọng, thậm chí “phải vơ vét” cán bộ. Tình trạng quá tải trong giải quyết công việc, sức ép về kế hoạch, tiến độ đôi khi dẫn tới oan. Tuy thế nhưng thực tế với hàng chục cơ sở đào tạo luật ở Việt Nam, với hàng ngàn cử nhân luật tốt nghiệp mỗi năm tình trạng thất nghiệp, làm trái ngành cũng là sự thật. Vậy rõ ràng là bài toán thừa thiếu ở đây chính là do yếu tố tuyển dụng. Nếu cứ nhắm mắt tuyển dụng người vì những thứ gọi là “quan hệ”, “đối ngoại”, “chạy chức, chạy việc” hiện nay thì tất yếu ngành tư pháp của chúng ta sẽ còn tồn tại những công chức hành nghề công lý nhưng lấy lợi ích kinh tế là mục tiêu hơn là bảo vệ quyền lợi chính đáng cho người lương thiện.

3.2.4. Tăng cường thanh tra, kiểm sát, giám sát đối với hoạt động tố tụng hình sự và xử lý nghiêm những cán bộ, công chức trong hoạt động của mình đã làm oan người vô tội

Tăng cường thanh tra, kiểm sát, giám sát đối với hoạt động tố tụng hình sự là hết sức cần thiết. Bản thân hoạt động tố tụng hình sự là hoạt động rất phức tạp, các cơ quan tố tụng hình sự ở mỗi địa phương thực chất có nhiều hoạt động chung về chính trị, đoàn thể nên lâu nay có tình trạng các cơ quan tố tụng “qua lại”, “hợp” với nhau để thống nhất giải quyết vụ án. Tính độc lập và giám sát lẫn nhau của các cơ quan tố tụng Điều tra, Kiểm sát, Tòa án bị xâm phạm do đó đôi khi dẫn tới tình trạng thiếu tôn trọng tính khách quan và tranh tụng. Trong trường hợp có oan xảy ra, nạn nhân và người bào chữa khó mà “thắng” được. Chính vì thế công tác thanh tra, kiểm sát, giám sát đối với hoạt động tố tụng hình sự cần được phát huy hơn nữa qua các kênh sau:

- Viện kiểm sát thực hiện đúng vai trò công tố, đồng thời thực hiện tốt chức năng kiểm sát hoạt động tư pháp để giúp cơ quan điều tra tránh gây oan đáng tiếc do những nguyên nhân không đáng có;

- Tăng cường chất lượng của hoạt động chất vấn và trả lời chất vấn đối với hoạt động của các cơ quan tố tụng hình sự tại các kỳ họp Quốc Hội và Hội đồng nhân dân. Thực tế những năm gần đây các phiên chất vấn Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao luôn gây chú ý và sự quan tâm lớn của nhân dân cũng như công luận. Qua hoạt động chất vấn, mọi vấn đề tồn tại, những hiện tượng tiêu cực như “chạy án”, “oan” và tình trạng yếu kém về đội ngũ cán bộ đã được báo cáo và phản ánh chân thực từ cả hai phía: người chất vấn và người bị chất vấn để qua đó thấy được thực trạng và biện pháp khắc phục. Quốc hội cần tăng cường các hoạt động giám sát đối với hoạt động tư pháp nói chung và tư pháp hình sự nói riêng qua đó công bố kết quả giám sát về những tồn tại, sai phạm, tỷ lệ oan... công khai cho người dân, trừ những trường hợp là bí mật quốc gia, coi đây là biện pháp kiềm chế những yếu kém của các cơ quan có thẩm quyền;

- Tăng cường và tôn trọng vai trò của báo chí, công luận trong việc phát hiện những nhân tố tích cực cũng như những vấn đề tiêu cực trong hoạt động tố tụng hình sự, coi đây cũng là một kênh giám sát quan trọng góp phần phòng ngừa gây oan;

- Nâng cao trình độ dân trí, hiểu biết pháp luật trong nhân dân thông qua công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật để người dân có thể tham gia thực hiện tốt hơn quyền khiếu nại, tố cáo của mình, qua đó giúp các cơ quan chức năng phát hiện kịp thời các sai phạm của cơ quan, người có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự. Đây cũng là yếu tố quan trọng của chính sách phòng và chống gây oan.

- Việc xử lý nghiêm những cán bộ, công chức trong hoạt động của mình đã làm oan người vô tội cần được thực hiện nghiêm túc. Qua 5 năm

thực hiện nghị quyết 388 bên cạnh những vướng mắc trong việc bồi thường cho người bị oan thì vấn đề trách nhiệm của người có thẩm quyền đã gây ra oan vẫn chưa được xử lý triệt để và dường như còn có biểu hiện né tránh. Đối với trường hợp mà người gây ra oan do hành vi vi phạm pháp luật đã rõ ràng thì cần xử lý trách nhiệm theo đúng pháp luật. Việc xử lý nghiêm những cán bộ, công chức có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự đã làm oan cho người dân không chỉ là biện pháp phòng ngừa gây oan hữu hiệu mà còn là để củng cố niềm tin của quần chúng vào các cơ quan đó – niềm tin vào công lý. Nếu chính những người bảo vệ pháp luật lại là người gây ra oan ức cho công dân thì không thể tha thứ được. Bằng chứng là Bộ luật hình sự 1999 tiếp tục quy định các hình vi sau là tội phạm: *Tội truy cứu trách nhiệm hình sự người không có tội, Tội ra bản án hoặc quyết định trái pháp luật, Tội dùng nhục hình, Tội bức cung, Tội làm sai lệch hồ sơ vụ án, Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn giam giữ người trái pháp luật*. Vậy nếu cán bộ, công chức nào thực hiện hành vi cấu thành các tội trên phải bị nghiêm trị.

3.2.5. Quy định rõ trách nhiệm của người đứng đầu các Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án trong việc để xảy ra oan do cơ quan mình gây ra

Vấn đề trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan đã từng được đề cập trên cả hai phương diện lý luận và lập pháp. Trách nhiệm của người đứng đầu cũng được quy định với mức độ nhất định trong các văn bản quy phạm pháp luật như: Luật phòng chống tham nhũng, Luật cán bộ công chức....

Gần đây trong khoa học quản lý và báo chí có đề cập vấn đề “*văn hóa từ chức*” của các cán bộ có thẩm quyền nhà nước khi để xảy ra sai phạm gây thiệt hại cho xã hội. Bởi lẽ người đứng đầu cơ quan nhà nước là người đại diện cho cơ quan nhà nước, là người có quyền điều hành, kiểm tra, giám sát hoạt động của các bộ phận, cá nhân dưới quyền nhưng đồng thời cũng là

người chịu trách nhiệm cao nhất về mọi hoạt động của cơ quan nhà nước đó. Ở nhiều nước trên thế giới chuyện các quan chức từ chức và tự chịu trách nhiệm về những sai phạm của ngành, cơ quan mình là chuyện bình thường và người ta coi đó là biểu hiện của lòng tự trọng. Tức là người đứng đầu cơ quan nhà nước rất có trách nhiệm với nhiệm vụ của mình, nhưng thực ra cũng bởi quy định pháp luật của các nước về trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan là rất nghiêm khắc, do đó đôi khi từ chức là khôn ngoan để lấy lại danh dự.

Như vậy, có thể nói rằng nếu người đứng đầu cơ quan nhà nước (ở đây chỉ xin bàn tới người đứng đầu các Cơ quan Công an, Viện kiểm sát, Tòa án) nhận thức rõ trách nhiệm của mình trong việc ngăn ngừa làm oan người vô tội thì công tác giải quyết vụ án hình sự sẽ đạt hiệu quả cao hơn rất nhiều. Lãnh đạo cơ quan tố tụng hình sự luôn phải kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ của các cán bộ thuộc đơn vị mình và phải có các biện pháp nhằm về tổ chức nội bộ, thanh tra, kiểm tra để hoạt động tố tụng hình sự thuộc thẩm quyền của mình không xảy ra oan, sai để phải liên lụy.

Thiết nghĩ hiện nay một văn bản luật quy định riêng về trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan nhà nước rất cần thiết được ban hành, có thể là một Nghị quyết, Nghị định. Trong văn bản đó cần có quy định rõ các hình thức trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan nhà nước trong việc để xảy ra oan, sai trong đơn vị mình như trách nhiệm kỷ luật, trách nhiệm vật chất, trách nhiệm hình sự..., *đối với những người chủ động nhận trách nhiệm và từ chức thì được xem xét giảm nhẹ trách nhiệm, đối với người cố ý bao che hoặc không cố ý nhưng không có biện pháp ngăn chặn kịp thời hành vi gây oan cho người vô tội thì bị tăng nặng trách nhiệm...* Tin rằng văn bản này sẽ phát huy tác dụng lớn trong việc thực hiện chính sách pháp luật tố tụng trong vấn đề phòng, chống oan.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Xuất phát từ những tồn tại, thiếu sót trong hoạt động tố tụng hình sự, gây oan cho người vô tội và thực tiễn thực hiện bồi thường thiệt hại cho người bị oan liên quan đến những vấn đề cần tiếp tục hoàn thiện trong thực hiện chính sách, pháp luật tố tụng hình sự, chương 3 tập trung vào những đề xuất hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự để phòng ngừa gây oan cho người vô tội như quy định cởi mở hơn nữa hoạt động của người bào chữa; cần có nguyên tắc minh oan và thể chế nguyên tắc này trong các văn bản pháp luật tố tụng hình sự. Ngoài ra, những giải pháp tập trung vào nâng cao trách nhiệm của các cơ quan và những người có thẩm quyền tại các cơ quan tiến hành tố tụng trong thực hiện nhiệm vụ phòng ngừa gây oan cho người vô tội. Trong thực hiện chính sách, pháp luật tố tụng hình sự về bồi thường cho người bị oan do người có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự gây nên, chương 3 nêu ra đề nghị hoàn thiện những quy định này trong luật bồi thường nhà nước. Có như vậy, việc bồi thường mới thỏa đáng, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

KẾT LUẬN CHUNG

“Sai sót thì ở đâu cũng có, nhưng đối với sinh mệnh, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm của con người, để xảy ra sai sót thì cái giá phải trả quá đắt và không thể bù đắp được. Công lý có thể sửa sai nhưng không thể sửa chữa những hư hại trên từng số phận con người và cơ thể xã hội do bản án oan gây ra. Công lý có thể trả lại sự công bằng cho người bị oan sai bằng một quyết định chính xác có hiệu lực pháp luật nhưng không dễ dàng lấy lại niềm tin đã bị mất” Xin trích dẫn một đoạn cảm xúc này của tác giả Lê Chân Nhân trong bài “Công lý và niềm tin” trên báo dantri.com.vn, phản ánh về hậu quả của những vụ án oan liên quan tới ông Trương Bá Nhân ở Bình Phước và ông Nguyễn Đình Chiến – Tổng giám đốc công ty Vimproco Hải Phòng thay cho việc nhắc lại hậu quả của việc làm oan người vô tội do người có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự gây ra.

Những người bị hàm oan có lẽ vẫn còn, những người được minh oan có thể còn khiếu kiện đòi bồi thường thỏa đáng (theo nguyện vọng của họ). Chính sách pháp luật tố tụng hình sự của chúng ta đang có những chuyển biến tích cực đáng kể. Nghị quyết 388 dù còn những hạn chế nhất định song rõ ràng nó đã tạo ra những thay đổi lớn lao trong hoạt động của các cơ quan tố tụng cũng như lấy lại niềm tin không chỉ của những người từng chịu oan ức mà cả nhiều người dân khác.

Trong thời gian tới, nếu những chủ trương, định hướng rõ ràng của Đảng được Nhà nước thể chế hóa bằng luật một cách triệt để và việc tổ chức thực hiện pháp luật được thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả hy vọng rằng chúng ta sẽ nhận được những kết quả khả quan hơn trong việc phòng, chống oan trong tố tụng hình sự, góp phần hoàn thiện nhanh hơn Nhà nước pháp quyền ở Việt Nam.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nghị quyết số 08/NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ chính trị “*về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới*”
2. Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24 tháng 5 năm 2005 về *Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*;
3. Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 2 tháng 6 năm 2005 về *Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*.
4. Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam năm 1946
5. Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam năm 1959
6. Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam năm 1980
7. Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam năm 1992
8. Bộ luật hình sự 1985
9. Bộ luật hình sự 1999
10. Bộ luật tố tụng hình sự 1988
11. Bộ luật tố tụng hình sự 2003
12. Sắc lệnh số 69/SL ngày 18 tháng 06 năm 1949
13. Thông tư số 173/UBTP ngày 23/03/1972 của Tòa án nhân dân Tối cao “*Hướng dẫn xét xử bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng*”
14. Chỉ thị số 06/1999/CT-BCA ngày 07 tháng 8 năm 1999 của Bộ Công an “*Về việc chấm dứt ngay tình trạng bắt oan, sai, bức cung, dùng nhục hình trong công tác điều tra và xử lý tội phạm*”
15. Nghị quyết số 388/2003/NQ-UBTVQH11 ngày 10 tháng 08 năm 2003 về “*Bồi thường thiệt hại cho người bị oan do người có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự gây ra*”
16. Thông tư liên tịch số 01/2004/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BTP-BQP-BTC ngày 25/03/2004 (Thông tư 01) giữa VKSNDTC,

TANDTC, Bộ Công an, Bộ Tư pháp, Bộ Quốc phòng và Bộ Tài chính “Về việc hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị quyết số 388”

17. Công văn số 72/2004/KHXX ngày 21 tháng 4 năm 2004 của TANDTC “Hướng dẫn cụ thể hơn về thẩm quyền và các thủ tục bồi thường theo quy định của Nghị quyết 388”
18. Thông tư số 18/2004/TT-BCA (V19) ngày 9/11/2004 của Bộ Công an “Hướng dẫn bồi thường thiệt hại cho các trường hợp bị oan do người có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự thuộc Công an nhân dân gây ra”
19. Báo cáo số 66/CP-NC ngày 23/05/2005 của Chính phủ “Về các trường hợp bị oan trong tố tụng hình sự và việc xử lý đối với cán bộ có liên quan”
20. Báo cáo số 94/ VKSTC-V1 ngày 10 tháng 8 năm 2005 của VKSNDTC về “Kết quả thực hiện Nghị quyết 388/2003/NQ-UBTVQH11 về bồi thường thiệt hại cho người bị oan do người có thẩm quyền trong tố tụng hình sự gây ra.”
21. Báo cáo kết quả giám sát số 1350/UBPL 11 ngày 24/10/2005 của UBPL - Quốc hội khóa 11 “Về việc thực hiện Nghị quyết 388”
22. Từ điển tiếng Việt, Viện Ngôn ngữ học, NXB. Đà Nẵng, 1998
23. Nguyễn Như Ý, Đại từ điển tiếng Việt.
24. PGS.TSKH Lê Cẩm, Những vấn đề cơ bản trong khoa học luật hình sự (phần chung) – Sách chuyên khảo sau đại học, NXB. Đại học quốc gia Hà Nội-2005
25. GS. TSKH Đào Trí Úc, “Nhà nước và pháp luật của chúng ta trong sự nghiệp đổi mới”, NXB. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1997
26. GS.TSKH Đào Trí Úc, Cải cách tư pháp hình sự và vấn đề phòng, chống oan, sai, Tạp chí Nhà nước và pháp luật số 4/2005

27. TS. Nguyễn Ngọc Chí, Đào Thu Hà, Cơ chế minh oan trong tố tụng hình sự, Tạp chí Khoa học ĐHQGHN Số 3, 2005
28. Bùi Kiên Điện, Khắc phục tình trạng oan, sai trong tố tụng hình sự, Tạp chí luật học số 1/2001
29. <http://thongtinphapluatdansu.wordpress.com>
30. <http://www.tuoitre.com.vn>
31. <http://www.vtc.vn>
32. <http://www.vietnamnet.vn>
33. <http://www.dddn.com.vn>
34. <http://www.sggp.org.vn>
35. <http://www.cand.com.vn>
36. <http://www.vnexpress.net>
37. <http://www.vtc.vn/phapluat/chuyenvuan/nam-2007-van-con-nguoi-bi-vks-truy-to-oan/167265/index.htm>